Ký bởi:
Giờ ký: 2026-09-11T09:12:00.7822274+07:00

Phụ lục số I: TỔNG NGUỒN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2026 CỦA CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026-2035, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030 TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 10 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030			Kế hoạch đầu tư công vốn NSTW năm 2026				Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		Kế hoạch đầu tư công vốn NSTW năm 2026 được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1278/QĐ-TTg ngày 14/7/2026	Dự kiến kế hoạch đầu tư công vốn NSTW năm 2026			
			Hợp phần I	Hợp phần II		Tổng số	Trong đó:		
							Hợp phần I	Hợp phần II	
A	**TỔNG SỐ**	**2.708.775**	**1.815.475**	**893.300**	**378.610**	**378.610**	**217.373**	**161.237**	**Thực hiện hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách cấp xã**
*	***Trong đó:***								
-	***Hợp phần thứ nhất***	***1.815.475***	***1.815.475***			***217.373***	***217.373***		***Chi tiết có Phụ lục số II***
-	***Hợp phần thứ hai***	***893.300***		***893.300***		***161.237***		***161.237***	***Chi tiết có Phụ lục số III***
B	**SỐ VỐN PHÂN BỔ CHO CÁC XÃ**	**2.708.775**	**1.815.475**	**893.300**		**378.610**	**217.373**	**161.237**	
1	Xã Mường Lát	21.634	5.000	16.634		3.580	580	3.000	
2	Xã Mường Chanh	15.200		15.200		2.800		2.800	
3	Xã Mường Lý	33.064	13.300	19.764		5.030	1.530	3.500	
4	Xã Nhi Sơn	24.000		24.000		4.400		4.400	
5	Xã Pù Nhi	34.204	14.000	20.204		5.400	1.600	3.800	
6	Xã Quang Chiểu	29.074	3.500	25.574		5.100	400	4.700	
7	Xã Tam Chung	31.924	14.112	17.812		4.600	1.500	3.100	
8	Xã Trung Lý	16.000	16.000			1.980	1.980		
9	Xã Hồi Xuân	30.784	13.184	17.600		4.700	1.600	3.100	
10	Xã Nam Xuân	35.344	19.000	16.344		5.090	2.090	3.000	
11	Xã Thiên Phủ	21.500	15.000	6.500		3.000	1.800	1.200	
12	Xã Hiền Kiệt	30.000	30.000			3.100	3.100		
13	Xã Phú Lệ	37.055	17.000	20.055		5.470	1.970	3.500	
14	Xã Trung Thành	37.055	15.770	21.285		5.500	1.600	3.900	
15	Xã Phú Xuân	24.704	9.600	15.104		3.800	1.100	2.700	

STT	Danh mục	Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030			Kế hoạch đầu tư công vốn NSTW năm 2026				Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		Kế hoạch đầu tư công vốn NSTW năm 2026 được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1278/QĐ-TTg ngày 14/7/2026	Dự kiến kế hoạch đầu tư công vốn NSTW năm 2026			
			Hợp phần I	Hợp phần II		Tổng số	Trong đó:		
							Hợp phần I	Hợp phần II	
16	Xã Trung Sơn	31.354	14.500	16.854		4.780	1.780	3.000	
17	Xã Tam Lư	32.494	14.000	18.494		4.587	1.450	3.137	
18	Xã Quan Sơn	27.484	13.200	14.284		4.130	1.530	2.600	
19	Xã Trung Hạ	39.335	16.000	23.335		6.140	1.940	4.200	
20	Xã Na Mèo	33.634	14.200	19.434		5.020	1.570	3.450	
21	Xã Sơn Thủy	34.774	14.600	20.174		5.280	1.680	3.600	
22	Xã Sơn Điện	22.300	7.000	15.300		3.610	810	2.800	
23	Xã Tam Thanh	33.064	18.600	14.464		5.000	2.400	2.600	
24	Xã Đồng Lương	25.000	18.000	7.000		3.430	2.230	1.200	
25	Xã Văn Phú	5.000		5.000		900		900	
26	Xã Giao An	29.000	9.000	20.000		4.990	1.390	3.600	
27	Xã Yên Khương	23.064	8.500	14.564		3.740	1.040	2.700	
28	Xã Yên Thắng	11.000		11.000		2.000		2.000	
29	Xã Thiết Ống	35.105	16.800	18.305		5.470	2.170	3.300	
30	Xã Văn Nho	32.694	16.103	16.591		5.000	1.900	3.100	
31	Xã Điền Quang	40.535	28.200	12.335		5.590	3.290	2.300	
32	Xã Quý Lương	24.185	17.685	6.500		3.240	2.040	1.200	
33	Xã Cổ Lũng	20.845	17.980	2.865		2.750	2.250	500	
34	Xã Pù Luông	22.835	16.500	6.335		2.950	1.850	1.100	
35	Xã Hóa Quỳ	34.204	18.000	16.204		5.110	2.110	3.000	
36	Xã Thanh Phong	37.624	12.000	25.624		6.190	1.490	4.700	
37	Xã Thanh Quân	39.905	12.500	27.405		6.400	1.500	4.900	
38	Xã Thanh Kỳ	18.000	18.000			1.850	1.850		
39	Xã Luận Thành	24.484	12.684	11.800		3.670	1.470	2.200	

STT	Danh mục	Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030			Kế hoạch đầu tư công vốn NSTW năm 2026				Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		Kế hoạch đầu tư công vốn NSTW năm 2026 được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1278/QĐ-TTg ngày 14/7/2026	Dự kiến kế hoạch đầu tư công vốn NSTW năm 2026			
			Hợp phần I	Hợp phần II		Tổng số	Trong đó:		
							Hợp phần I	Hợp phần II	
40	Xã Tân Thành	24.124	15.860	8.264		3.460	1.960	1.500	
41	Xã Thắng Lộc	21.844	14.900	6.944		2.970	1.770	1.200	
42	Xã Lương Sơn	12.000	12.000			1.390	1.390		
43	Xã Vạn Xuân	13.940	13.940			1.570	1.570		
44	Xã Mường Mìn	30.692	12.340	18.352		4.840	1.540	3.300	
45	Xã Linh Sơn	7.500	7.500			980	980		
46	Xã Bá Thước	25.000		25.000		4.400		4.400	
47	Xã Nguyệt Ấn	35.164	11.000	24.164		6.000	1.600	4.400	
48	Xã Thành Vinh	32.494	13.000	19.494		5.000	1.500	3.500	
49	Xã Thạch Quảng	31.354	20.000	11.354		4.650	2.550	2.100	
50	Xã Như Xuân	31.354	27.500	3.854		3.870	3.170	700	
51	Xã Thượng Ninh	32.494	12.300	20.194		5.160	1.560	3.600	
52	Xã Xuân Bình	30.000		30.000		5.400		5.400	
53	Xã Thọ Bình	37.055	15.600	21.455		5.550	1.600	3.950	
54	Xã Ngọc Trạo	11.000	11.000			1.600	1.600		
55	Xã Thạch Bình	18.738	18.738			2.200	2.200		
56	Xã Yên Thọ	22.803	9.728	13.075		3.500	1.200	2.300	
57	Xã Thường Xuân	16.793	7.293	9.500		2.540	840	1.700	
58	Xã Minh Sơn	19.504	10.000	9.504		2.860	1.160	1.700	
59	Xã Ngọc Lặc	14.203	9.600	4.603		1.940	1.140	800	
60	Xã Thạch Lập	14.943	9.500	5.443		2.050	1.050	1.000	
61	Xã Ngọc Liên	14.500	14.500			1.970	1.970		
62	Xã Kiên Thọ	22.803	18.000	4.803		2.960	2.060	900	
63	Xã Cẩm Tân	22.803	10.000	12.803		3.490	1.190	2.300	

STT	Danh mục	Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030			Kế hoạch đầu tư công vốn NSTW năm 2026				Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		Kế hoạch đầu tư công vốn NSTW năm 2026 được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1278/QĐ-TTg ngày 14/7/2026	Dự kiến kế hoạch đầu tư công vốn NSTW năm 2026			
			Hợp phần I	Hợp phần II		Tổng số	Trong đó:		
							Hợp phần I	Hợp phần II	
64	Xã Vân Du	15.000	15.000			1.730	1.730		
65	Xã Xuân Du	23.373	10.000	13.373		3.500	1.100	2.400	
66	Xã Mậu Lâm	19.800	19.800			2.110	2.110		
67	Xã Cẩm Tú	22.803	9.803	13.000		3.520	1.120	2.400	
68	Xã Cẩm Thạch	23.373	10.000	13.373		3.600	1.200	2.400	
69	Xã Cẩm Vân	22.803	9.600	13.203		3.890	1.490	2.400	
70	Xã Sao Vàng	6.000	6.000			690	690		
71	Xã Cẩm Thủy	14.030	10.530	3.500		1.880	1.280	600	
72	Xã Kim Tân	17.102	9.000	8.102		2.540	1.040	1.500	
73	Xã Các Sơn	14.251	14.251			1.760	1.760		
74	Xã Trường Lâm	14.822	14.822			1.680	1.680		
75	Xã Hà Trung	14.251	14.251			1.500	1.500		
76	Xã Hà Long	14.251	14.251			2.000	2.000		
77	Xã Triệu Lộc	14.251	14.251			1.700	1.700		
78	Xã Hậu Lộc	5.451	5.451			670	670		
79	Xã Hoằng Tiến	28.504	28.504			3.250	3.250		
80	Xã Hoằng Thanh	28.504	28.504			3.220	3.220		
81	Xã Hoằng Lộc	14.251	14.251			1.440	1.440		
82	Xã Hoằng Châu	12.000	12.000			1.440	1.440		
83	Xã Hoằng Sơn	14.251	14.251			2.180	2.180		
84	Xã Hoằng Phú	14.251	14.251			1.510	1.510		
85	Xã Hoằng Giang	14.251	14.251			1.500	1.500		
86	Xã Quảng Yên	14.251	14.251			2.160	2.160		
87	Xã Quảng Ninh	26.000	26.000			2.890	2.890		

STT	Danh mục	Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030			Kế hoạch đầu tư công vốn NSTW năm 2026				Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		Kế hoạch đầu tư công vốn NSTW năm 2026 được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1278/QĐ-TTg ngày 14/7/2026	Dự kiến kế hoạch đầu tư công vốn NSTW năm 2026			
			Hợp phần I	Hợp phần II		Tổng số	Trong đó:		
							Hợp phần I	Hợp phần II	
88	Xã Tiên Trang	16.803	16.803			2.390	2.390		
89	Xã Trung Chính	14.251	14.251			1.690	1.690		
90	Xã Công Chính	14.822	14.822			1.590	1.590		
91	Xã Thiệu Quang	12.460	12.460			1.430	1.430		
92	Xã Yên Định	14.251	14.251			1.560	1.560		
93	Xã Quý Lộc	14.251	14.251			1.500	1.500		
94	Xã Định Tân	14.251	14.251			1.600	1.600		
95	Xã Thọ Xuân	14.251	14.251			1.640	1.640		
96	Xã Thọ Long	14.251	14.251			1.690	1.690		
97	Xã Xuân Hòa	14.251	14.251			1.830	1.830		
98	Xã Lam Sơn	14.251	14.251			1.630	1.630		
99	Xã Xuân Lập	11.808	11.808			1.350	1.350		
100	Xã Triệu Sơn	14.251	14.251			1.700	1.700		
101	Xã Tân Ninh	14.251	14.251			1.610	1.610		
102	Xã Đồng Tiến	14.251	14.251			1.500	1.500		
103	Xã Tống Sơn	14.251	14.251			1.710	1.710		
104	Xã Hoạt Giang	14.251	14.251			1.770	1.770		
105	Xã Đông Thành	14.251	14.251			1.900	1.900		
106	Xã Hoa Lộc	14.251	14.251			1.720	1.720		
107	Xã Vạn Lộc	17.000	17.000			2.040	2.040		
108	Xã Nga Sơn	28.504	28.504			3.530	3.530		
109	Xã Nga Thắng	14.251	14.251			1.930	1.930		
110	Xã Hồ Vương	14.251	14.251			1.840	1.840		
111	Xã Tân Tiến	28.504	28.504			3.310	3.310		

STT	Danh mục	Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030			Kế hoạch đầu tư công vốn NSTW năm 2026				Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		Kế hoạch đầu tư công vốn NSTW năm 2026 được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1278/QĐ-TTg ngày 14/7/2026	Dự kiến kế hoạch đầu tư công vốn NSTW năm 2026			
			Hợp phần I	Hợp phần II		Tổng số	Trong đó:		
							Hợp phần I	Hợp phần II	
112	Xã Ba Đình	7.500	7.500			900	900		
113	Xã Quảng Ngọc	14.251	14.251			1.710	1.710		
114	Xã Quảng Chính	12.000	12.000			1.440	1.440		
115	Xã Thắng Lợi	9.600	9.600			1.160	1.160		
116	Xã Trường Văn	14.251	14.251			1.720	1.720		
117	Xã Thăng Bình	14.251	14.251			1.500	1.500		
118	Xã Tượng Lĩnh	10.850	10.850			1.310	1.310		
119	Xã Thiệu Tiến	14.251	14.251			1.720	1.720		
120	Xã Thiệu Toán	14.251	14.251			1.690	1.690		
121	Xã Thiệu Trung	14.251	14.251			1.850	1.850		
122	Xã Yên Trường	14.251	14.251			1.710	1.710		
123	Xã Yên Phú	14.251	14.251			1.720	1.720		
124	Xã Định Hòa	14.251	14.251			1.920	1.920		
125	Xã Thọ Lập	14.251	14.251			2.130	2.130		
126	Xã Xuân Tín	4.000	4.000			480	480		
127	Xã Vĩnh Lộc	14.251	14.251			1.620	1.620		
128	Xã Tây Đô	14.251	14.251			1.872	1.872		
129	Xã Biện Thượng	14.251	14.251			1.790	1.790		
130	Xã Thọ Ngọc	14.251	14.251			1.860	1.860		
131	Xã Thọ Phú	14.251	14.251			1.980	1.980		
132	Xã Hợp Tiến	14.251	14.251			1.800	1.800		
133	Xã An Nông	14.251	14.251			2.181	2.181		

Phụ lục số II: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2026 CỦA CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026-2035, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030 TỈNH THANH HÓA (HỢP PHẦN THỨ NHẤT)

(Kèm theo Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 10 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
	TỔNG			**2.357.184**	**1.815.475**	**530.384**	**11.325**	**1.815.475**	**217.373**	
1	**Xã Mường Lát**			**5.000**	**5.000**			**5.000**	**580**	
1.1	Nâng cấp, sửa chữa đường, hệ thoát thoát nước từ quốc lộ 15c đi thôn Chiềng cồng và khu sản xuất Suối Đục	UBND xã Mường Lát	Xã Mường Lát	5.000	5.000			5.000	580	HPI-ND01
2	**Xã Mường Lý**			**13.300**	**13.300**			**13.300**	**1.530**	
1.1	Nâng cấp mở rộng đường giao thông từ trạm y tế đi UBND xã Mường Lý.	UBND xã Mường Lý	Bản Nàng	8.500	8.500			8.500	980	HPI-ND01
1.2	Xây dựng đường giao thông nội bản Muống 1, xã Mường Lý	UBND xã Mường Lý	Bản Muống	4.800	4.800			4.800	550	HPI-ND01
3	**Xã Pù Nhi**			**14.000**	**14.000**			**14.000**	**1.600**	
1.1	Nối tiếp đường Na Tao đi bản Cơm xã Pù Nhi	UBND xã Pù Nhi	Bản Cơm, xã Pù Nhi	8.000	8.000			8.000	900	HPI-ND01
1.2	Đường giao thông và cầu tràn từ sân bóng bản Cá Tớp đi vào khu sản xuất	UBND xã Pù Nhi	Bản Cá Tớp, xã Pù Nhi	6.000	6.000			6.000	700	HPI-ND01
4	**Xã Quang Chiểu**			**3.500**	**3.500**			**3.500**	**400**	
1.1	Đập Ho He Mờng	UBND xã Quang Chiểu	Bản Mờng	3.500	3.500			3.500	400	HPI-ND02
5	**Xã Tam Chung**			**14.112**	**14.112**			**14.112**	**1.500**	
1.1	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ cầu cứng Mường Lát đi cầu Kha Khoài, bản Lát xã Tam chung	UBND xã Tam Chung	Bản Lát	14.112	14.112			14.112	1.500	HPI-ND01
6	**Xã Trung Lý**			**16.000**	**16.000**			**16.000**	**1.980**	
1.1	Đường nội đồng bản Khằm (Khằm 2 cũ), xã Trung Lý	UBND xã Trung Lý	Bản Khằm, xã Trung Lý	7.000	7.000			7.000	810	HPI-ND01
1.2	Đường lên bia tưởng niệm liệt sĩ xã Trung Lý	UBND xã Trung Lý	Bản Táo, xã Trung Lý	1.800	1.800			1.800	270	HPI-ND01
1.3	Xây mới hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung bản Táo (Khu Táo 3)	UBND xã Trung Lý	Bản Táo, xã Trung Lý	5.000	5.000			5.000	580	HPI-ND10

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
1.4	Sửa chữa công trình nước sinh hoạt bản Nà Ón, xã Trung Lý	UBND xã Trung Lý	Bản Nà Ón, xã Trung Lý	2.200	2.200			2.200	320	HPI-ND10
7	**Xã Hồi Xuân**			**13.184**	**13.184**			**13.184**	**1.600**	
1.1	Nâng cấp đường yên ngựa đi Bá Thước	UBND xã Hồi Xuân	Xã Hồi Xuân	8.400	8.400			8.400	900	HPI-ND01
1.2	Xây mới Đập và hệ thống dẫn nước tưới tiêu bản Huối Luông (thôn Khó cũ, xã Hồi Xuân.	UBND xã Hồi Xuân	Thôn Khó, xã Hồi Xuân	1.500	1.500			1.500	220	HPI-ND10
1.3	Xây mới đập và hệ thống dẫn nước tưới tiêu Bản Xuân Phú, xã Hồi Xuân (bản Cang cũ).	UBND xã Hồi Xuân	Bản Cang, xã Hồi Xuân	1.684	1.684			1.684	250	HPI-ND10
1.4	Xây mới hệ thống dẫn nước tưới tiêu bản Phú Nghiêm (pọng Ka me cũ), xã Hồi Xuân)	UBND xã Hồi Xuân	Bản Pọng Kame, xã Hồi Xuân	1.600	1.600			1.600	230	HPI-ND10
8	**Xã Nam Xuân**			**19.000**	**19.000**			**19.000**	**2.090**	
1.1	Nâng cấp đường lên Hồ Pha Đay bản Bút xã Nam Xuân	UBND xã Nam Xuân	Xã Nam Xuân	14.000	14.000			14.000	1.450	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, sửa chữa đập mương Căn chết đồng Xôm bản Cụm xã Nam Xuân	UBND xã Nam Xuân	Bản Cụm, xã Nam Xuân	2.100	2.100			2.100	300	HPI-ND02
1.3	Xây mới nước sinh hoạt tập trung bản Khang xã Nam Xuân	UBND xã Nam Xuân	Bản Khang, xã Nam Xuân	2.900	2.900			2.900	340	HPI-ND10
9	**Xã Thiên Phủ**			**15.000**	**15.000**			**15.000**	**1.800**	
1.1	Đập mương suối Cang, xã Thiên Phủ	UBND xã Thiên Phủ	Cang	3.000	3.000			3.000	350	HPI-ND02
1.2	Sửa chữa đập, mương Nà Nua bản Nam Động, xã Thiên Phủ	UBND xã Thiên Phủ	Bản Nam Động	3.000	3.000			3.000	350	HPI-ND02
1.3	Nước sinh hoạt tập trung bản Cang, xã Thiên Phủ	UBND xã Thiên Phủ	Bản Cang	2.500	2.500			2.500	350	HPI-ND10
1.4	Nước sinh hoạt tập trung bản Na chiềng, xã Thiên Phủ	UBND xã Thiên Phủ	Bản Na chiềng	3.000	3.000			3.000	350	HPI-ND10
1.5	Sửa chữa công trình nước sinh hoạt bản Nam Động	UBND xã Thiên Phủ	Bản Nam Động	3.500	3.500			3.500	400	HPI-ND10
10	**Xã Hiền Kiệt**			**30.000**	**30.000**			**30.000**	**3.100**	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
1.1	Công trình nước sạch sinh hoạt cho nhân dân bản Lóp, bản Bó, xã Hiền Kiệt	UBND xã Hiền Kiệt	Xã Hiền Kiệt	14.000	14.000			14.000	1.450	HPI-ND10
1.2	Cải tạo, xây dựng mới đập, mương thủy lợi từ bản Pheo (đập Keo Nác) đi bản Bó và các tuyến khác xã Hiền Kiệt, tỉnh Thanh Hoá	UBND xã Hiền Kiệt	Xã Hiền Kiệt	16.000	16.000			16.000	1.650	HPI-ND02
11	**Xã Phú Lệ**			**17.120**	**17.000**		**120**	**17.000**	**1.970**	
1.1	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông từ ngã 3 tỉnh lộ 521C đi bản Hang, xã Phú Lệ	UBND xã Phú Lệ	Bản Hang, xã Phú Lệ	7.050	7.000		50	7.000	810	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông từ đầu cầu treo bản Chiềng Ôn, xã Phú Lệ	UBND xã Phú Lệ	Bản Chiềng Ôn, xã Phú Lệ	5.520	5.500		20	5.500	640	HPI-ND01
1.3	Nâng cấp đập, mương Bản Chăng Páng, xã Phú Lệ	UBND xã Phú Lệ	Bản Chăng Páng, xã Phú Lệ	4.550	4.500		50	4.500	520	HPI-ND02
12	**Xã Trung Thành**			**16.600**	**15.770**	**830**		**15.770**	**1.600**	
1.1	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông Chiềng - Tang Sạy, xã Trung Thành	UBND xã Trung Thanh	Xã Trung Thành	16.600	15.770	830		15.770	1.600	HPI-ND01
13	**Xã Phú Xuân**			**9.600**	**9.600**			**9.600**	**1.100**	
1.1	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông từ Bản Phé đi bản Mí, xã Phú Xuân	UBND xã Phú Xuân	Bản Phé	9.600	9.600			9.600	1.100	HPI-ND01
14	**Xã Trung Sơn**			**14.500**	**14.500**			**14.500**	**1.780**	
1.1	Xây mới công trình Nước sinh hoạt bản Ta Bán	UBND xã Trung Sơn	Bản Ta Bán	5.500	5.500			5.500	630	HPI-ND10
1.2	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông bản Ta Bán	UBND xã Trung Sơn	Bản Ta Bán	4.000	4.000			4.000	500	HPI-ND01
1.3	Nâng cấp đường, xây mới rãnh chịu lực hai bên tuyến đường khu trung tâm xã.	UBND xã Trung Sơn	Bản Pạo	2.500	2.500			2.500	350	HPI-ND01
1.4	Sửa chữa tuyến đường từ đầu cầu Co Me đến trạm kiểm lâm Trung Sơn bản Chiềng, xã Trung Sơn.	UBND xã Trung Sơn	Bản Chiềng	2.500	2.500			2.500	300	HPI-ND01
15	**Xã Tam Lư**			**14.000**	**14.000**			**14.000**	**1.450**	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
1.1	Đầu tư mới công trình cấp nước sinh hoạt tập trung cụm bản Hậu, bản Tình, xã Tam Lư.	UBND xã Tam Lư	Bản Hậu, bản Tình	14.000	14.000			14.000	1.450	HPI-ND10
16	**Xã Quan Sơn**			**13.246**	**13.200**	**46**		**13.200**	**1.530**	
1.1	Cải tạo hệ thống giao thôn nội thôn bản Ngam, xã Quan Sơn	UBND xã Quan Sơn	Xã Quan Sơn	4.825	4.800	25		4.800	530	HPI-ND01
1.2	Nước sinh hoạt tập trung khu Bìn, Hẹ Bản Tân Thành	UBND xã Quan Sơn	Xã Quan Sơn	8.421	8.400	21		8.400	1.000	HPI-ND10
17	**Xã Trung Hạ**			**16.000**	**16.000**			**16.000**	**1.940**	
1.1	Cầu suối Cánh bản Din, xã Trung Hạ	UBND xã Trung Hạ	Xã Trung Hạ	6.000	6.000			6.000	690	HPI-ND01
1.2	Đường nội vùng bản Lợi xã Trung Hạ	UBND xã Trung Hạ	Xã Trung Hạ	2.500	2.500			2.500	350	HPI-ND01
1.3	Nâng cấp đường liên thôn bản Xầy - Chiềng Xầy xã Trung Hạ	UBND xã Trung Hạ	Xã Trung Hạ	4.000	4.000			4.000	500	HPI-ND01
1.4	Cải tạo, nâng cấp đường nội vùng bản Din, xã Trung Hạ - Giai đoạn 2	UBND xã Trung Hạ	Xã Trung Hạ	3.500	3.500			3.500	400	HPI-ND01
18	**Xã Na Mèo**			**14.200**	**14.200**			**14.200**	**1.570**	
1.1	Nước SH tập trung Na Mèo, xã Na Mèo, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Na Mèo	Bản Na Mèo, xã Na Mèo	11.000	11.000			11.000	1.200	HPI-ND10
1.2	Cải tạo, sửa chữa đập, mương Ché Lầu, xã Na Mèo, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Na Mèo	Bản Ché Lầu, xã Na Mèo	3.200	3.200			3.200	370	HPI-ND02
19	**Xã Sơn Thủy**			**14.600**	**14.600**			**14.600**	**1.680**	
1.1	Nước sạch sinh hoạt tập trung bản Muống (khu cóc)	UBND xã Sơn Thủy	Xã Sơn Thủy	4.900	4.900			4.900	570	HPI-ND10
1.2	Hệ thống đường ống cấp nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp bản Mùa Xuân (gồm 02 khu: Mùa Xuân và Xía Nọi) xã Sơn Thủy	UBND xã Sơn Thủy	Xã Sơn Thủy	4.900	4.900			4.900	560	HPI-ND02
1.3	Đập, mương Na Ha bản Xuân Thành (khu Khà) xã Sơn Thủy	UBND xã Sơn Thủy	Xã Sơn Thủy	4.800	4.800			4.800	550	HPI-ND02
20	**Xã Sơn Điện**			**7.050**	**7.000**		**50**	**7.000**	**810**	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
1.1	Nước sinh hoạt tập trung bản Xuân Sơn xã Sơn Điện	UBND xã Sơn Điện	Bản Xuân Sơn	7.050	7.000		50	7.000	810	HPI-ND10
21	**Xã Tam Thanh**			**18.600**	**18.600**			**18.600**	**2.400**	
1.1	Đầu tư xây mới mương tưới tiêu nội đồng khu Bôn, bản Thanh Bình, xã Tam Thanh	UBND xã Tam Thanh	Khu Bôn, bản Thanh Bình	1.300	1.300			1.300	200	HPI-ND02
1.2	Đầu tư xây mới mương tưới khu Phe, bản Thanh Sơn, xã Tam Thanh	UBND xã Tam Thanh	Khu Phe, bản Thanh Sơn	700	700			700	100	HPI-ND02
1.3	Đầu tư xây mới mương tưới khu Kham, bản Thanh Bình xã Tam Thanh	UBND xã Tam Thanh	Khu Kham, bản Thanh Bình	2.000	2.000			2.000	300	HPI-ND02
1.4	Tu sửa mương Na Lá - Na Cha khu Pa, bản Thanh Lâm , xã Tam Thanh	UBND xã Tam Thanh	Khu Pa, bản Thanh Lâm	1.200	1.200			1.200	170	HPI-ND02
1.5	Đầu tư xây dựng mương tưới tiêu từ suối Lây Cát, bản Thanh Sơn, xã Tam Thanh	UBND xã Tam Thanh	Khu Na Ấu, bản Thanh Sơn	2.400	2.400			2.400	350	HPI-ND02
1.6	Xây dựng hệ thống nước sạch khu Bôn, bản Thanh Bình, xã Tam Thanh	UBND xã Tam Thanh	Khu Bôn, bản Thanh Bình	5.500	5.500			5.500	640	HPI-ND10
1.7	Xây dựng hệ thống nước sạch khu Na Ấu, bản Thanh Sơn, xã Tam Thanh	UBND xã Tam Thanh	Khu Na Ấu, bản Thanh Sơn	5.500	5.500			5.500	640	HPI-ND10
22	**Xã Đồng Lương**			**18.000**	**18.000**			**18.000**	**2.230**	
1.1	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường thôn Tân Thủy đến thôn Tân Bình	UBND xã Đồng Lương	Tân Thủy đến thôn Tân Bình	13.000	13.000			13.000	1.650	HPI-ND01
1.2	Xây mới Đập, mương Tống; Nâng cấp sửa chữa đập mương Bến Trong thôn Tân Sơn	UBND xã Đồng Lương	Thôn Tân Sơn	5.000	5.000			5.000	580	HPI-ND02
23	**Xã Giao An**			**9.500**	**9.000**	**500**		**9.000**	**1.390**	
1.1	Nâng cấp cải tạo đường giao thông Chiềng Poọng	UBND xã Giao An	Xã Giao An	7.500	7.000	500		7.000	1.110	HPI-ND01
1.2	Xây mới mương Chiềng Poọng	UBND xã Giao An	Xã Giao An	2.000	2.000			2.000	280	HPI-ND02
24	**Xã Yên Khương**			**8.500**	**8.500**			**8.500**	**1.040**	
1.1	Đường giao thông từ nhà ông Kéo đến tuyến bản Xắng Hằng	UBND xã Yên Khương	Bản Xắng Hằng	6.000	6.000			6.000	690	HPI-ND01

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
1.2	Nâng cấp và mở rộng đường và tràn từ nhà ông Lương Văn Phúc đi khu Na Me bả Xã	UBND xã Yên Khương	Bản Xã	2.500	2.500			2.500	350	HPI-ND01
25	**Xã Thiết Ống**			**17.100**	**16.800**	**300**		**16.800**	**2.170**	
1.1	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông liên thôn từ thôn Quyết Thắng đi thôn Mường Ống, xã Thiết Ống	UBND xã Thiết Ống	Xã Thiết Ống	5.408	5.208	200		5.208	600	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thôn Đồng Tâm xã Thiết Ống (đoạn từ nhà ông Nguyễn Công Thành đến hộ ông Nguyễn Công Tiến)	UBND xã Thiết Ống	Xã Thiết Ống	1.150	1.150			1.150	170	HPI-ND01
1.3	Xây mới đường tràn thôn Cha, xã Thiết Ống	UBND xã Thiết Ống	Xã Thiết Ống	4.300	4.200	100		4.200	520	HPI-ND02
1.4	Xây dựng mới mương Thung thôn Thiết Giang, xã Thiết Ống	UBND xã Thiết Ống	Xã Thiết Ống	1.875	1.875			1.875	270	HPI-ND02
1.5	Xây dựng mới mương Cáo Chặng thôn Thiết Sơn, xã Thiết Ống	UBND xã Thiết Ống	Xã Thiết Ống	2.338	2.338			2.338	330	HPI-ND02
1.6	Xây dựng mới mương Dòm, thôn Cha, xã Thiết Ống	UBND xã Thiết Ống	Xã Thiết Ống	2.029	2.029			2.029	280	HPI-ND02
26	**Xã Văn Nho**			**16.341**	**16.103**	**238**		**16.103**	**1.900**	
1.1	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nội thôn từ nhà Ông Thủy đến Na Pén thôn Văn Tiến	UBND xã Văn Nho	Thôn Văn Tiến	2.743	2.714	29		2.714	320	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nội thôn từ nhà Ông Nhuận đi Hồ bo dướn thôn Văn Thành	UBND xã Văn Nho	Thôn Văn Thành	3.099	3.099			3.099	360	HPI-ND01
1.3	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ ngã ba thôn Văn Thành đi Thôn Văn Tiến	UBND xã Văn Nho	Thôn Văn Thành và thôn Văn Tiến	8.209	8.000	209		8.000	920	HPI-ND01
1.4	Nâng cấp, cải tạo đường giao nội đồng từ Km07 đến Na Tăm Bo Hiềng	UBND xã Văn Nho	Thôn Bo Hiềng	2.290	2.290			2.290	300	HPI-ND01
27	**Xã Điền Quang**			**28.200**	**28.200**			**28.200**	**3.290**	
1.1	Đường giao thông thôn Thượng Tiến, xã Điền Quang	UBND xã Điền Quang	Thôn Thượng Tiến	6.500	6.500			6.500	750	HPI-ND01

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
1.2	Đường giao thông thôn Quang Liên, xã Điền Quang	UBND xã Điền Quang	Thôn Quang Liên	6.000	6.000			6.000	690	HPI-ND01
1.3	Đường giao thông thôn Thượng Tiến đi thôn Thượng Điền, xã Điền Quang	UBND xã Điền Quang	Thôn Thượng Tiến	7.000	7.000			7.000	810	HPI-ND01
1.4	Đường giao thông thôn Điền Sơn, xã Điền Quang	UBND xã Điền Quang	Thôn Điền Sơn	4.500	4.500			4.500	520	HPI-ND01
1.5	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông thôn Tiên Quang (đoạn từ nhà ông Hà Mai Vực, thôn Hồ Quang cũ đi dốc Châm), xã Điền Quang	UBND xã Điền Quang	Thôn Tiên Quang	4.200	4.200			4.200	520	HPI-ND01
28	**Xã Quý Lương**			**18.500**	**17.685**	**815**		**17.685**	**2.040**	
1.1	Đường giao thông nội thôn thôn Lương Thắng (thôn Són cũ), xã Quý Lương	UBND xã Quý Lương	Thôn Lương Thắng, xã Quý Lương	7.700	7.300	400		7.300	840	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, cải tạo hệ thống mương Trung Thuỷ (thôn Chòm Mốt cũ), Xã Quý Lương	UBND xã Quý Lương	Thôn Trung Thuỷ, xã Quý Lương	5.100	5.000	100		5.000	580	HPI-ND02
1.3	Nâng cấp, sửa chữa Đường giao thông thôn Lương Trung đi thôn Lương Sơn (thôn Quang Trung đi thôn Phú Sơn cũ), xã Quý Lương	UBND xã Quý Lương	Thôn Lương Trung và thôn Lương Sơn, xã Quý Lương	5.700	5.385	315		5.385	620	HPI-ND01
29	**Xã Cổ Lũng**			**17.980**	**17.980**			**17.980**	**2.250**	
1.1	Đường và cống thoát nước, thôn Hiêu (thôn Khuyn cũ), xã Cổ Lũng.	UBND xã Cổ Lũng	Thôn Hiêu xã Cổ Lũng	3.050	3.050			3.050	350	HPI-ND01
1.2	Đường giao thông thôn Đốc (khu Na Héo, thuộc địa phận thôn Lác cũ), xã Cổ Lũng	UBND xã Cổ Lũng	Thôn Đốc, xã Cổ Lũng	2.570	2.570			2.570	300	HPI-ND01
1.3	Đường giao thông thôn Bó Nủa, xã Cổ Lũng	UBND xã Cổ Lũng	Thôn Bó Nủa	2.570	2.570			2.570	300	HPI-ND01
1.4	Đường giao thông thôn Lũng Cao, xã Cổ Lũng	UBND xã Cổ Lũng	Thôn Lũng Cao	2.570	2.570			2.570	300	HPI-ND01
1.5	Sửa chữa, Nâng cấp mương đập Cao, thôn Lũng Cao (thôn Cao cũ), xã Cổ Lũng	UBND xã Cổ Lũng	Thôn Lũng Cao, xã Cổ Lũng	1.550	1.550			1.550	230	HPI-ND02

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
1.6	Sửa chữa, Nâng cấp Mương đập Chiềng Vang thôn Lũng Cao (thôn Nang cũ), xã Cổ Lũng	UBND xã Cổ Lũng	Thôn Lũng Cao, xã Cổ Lũng	1.550	1.550			1.550	230	HPI-ND02
1.7	Sửa chữa, Nâng cấp Mương đập Bai Tùng thôn Mường Khoòng (thôn Phìa cũ), xã Cổ Lũng	UBND xã Cổ Lũng	Thôn Mường Khoòng, xã Cổ Lũng	2.570	2.570			2.570	310	HPI-ND02
1.8	Sửa chữa đập, mương thôn Đốc (thôn Lác cũ), xã Cổ Lũng	UBND xã Cổ Lũng	Thôn Đốc, xã Cổ Lũng	1.550	1.550			1.550	230	HPI-ND02
30	**Xã Pù Luông**			**16.500**	**16.500**			**16.500**	**1.850**	
1.1	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường chữ S, thôn Đôn, xã Pù Luông	UBND xã Pù Luông	Thôn Đôn, xã Pù Luông	10.000	10.000			10.000	1.100	HPI-ND01
1.2	Đường giao thông thôn Kho Mường, xã Pù Luông	UBND xã Pù Luông	Thôn Kho Mường	6.500	6.500			6.500	750	HPI-ND01
31	**Xã Hóa Quỳ**			**18.000**	**18.000**			**18.000**	**2.110**	
1.1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Xuân Đàm cũ (nay là thôn Hóa Qùy 3), xã Hoá Quỳ	UBND xã Hóa Quỳ	Xã Hóa Quỳ	8.000	8.000			8.000	920	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, cải tạo kênh mương nội đồng thôn Hoá Quỳ 1 (thuộc thôn Thanh Xuân và Đông Xuân cũ), xã Hóa Quỳ	UBND xã Hóa Quỳ	Xã Hóa Quỳ	6.000	6.000			6.000	690	HPI-ND02
1.3	Kênh Mương thôn Hợp Thành cũ (nay là thôn Bình Lương 2)	UBND xã Hóa Quỳ	Xã Hóa Quỳ	4.000	4.000			4.000	500	HPI-ND02
32	**Xã Thanh Phong**			**12.000**	**12.000**			**12.000**	**1.490**	
1.1	Xây mới và cải tạo đường nội thôn xuân Phong, xã Thanh Phong, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Thanh Phong	Xã Thanh Phong	7.000	7.000			7.000	810	HPI-ND01
1.2	Xây mới mương dẫn nước tưới tiêu đồng hộc, thôn Tân Thành xã Thanh Phong, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Thanh Phong	Xã Thanh Phong	1.550	1.550			1.550	230	HPI-ND02
1.3	Xây mới mương dẫn nước Hón Quế, thôn Đoàn Trung, xã Thanh Phong, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Thanh Phong	Xã Thanh Phong	1.450	1.450			1.450	210	HPI-ND02

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
1.4	Xây mới Bai Khe Kẹm và sửa chữa mương dẫn nước khe Kẹm thôn Tân Hòa, xã Thanh Phong, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Thanh Phong	Xã Thanh Phong	2.000	2.000			2.000	240	HPI-ND02
33	**Xã Thanh Quân**			**12.500**	**12.500**			**12.500**	**1.500**	
1.1	Xây dựng đường giao thông từ thôn Thanh Đồng (Đoạn từ Thanh Thủy đi Đồng Phống)	UBND xã Thanh Quân	Xã Thanh Quân	7.500	7.500			7.500	870	HPI-ND01
1.2	Xây dựng đập dâng và kênh mương đầu mối vào khu sản xuất Thanh Bình, thôn Thanh Xuân, xã Thanh Quân	UBND xã Thanh Quân	Xã Thanh Quân	3.500	3.500			3.500	410	HPI-ND02
1.3	Nâng cấp hệ thống kênh mương Quăn 2, thôn Thanh Mạnh, xã Thanh Quân	UBND xã Thanh Quân	Xã Thanh Quân	1.500	1.500			1.500	220	HPI-ND02
34	**Xã Thanh Kỳ**			**18.000**	**18.000**			**18.000**	**1.850**	
1.1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường liên thôn Thanh Quang – Tân Quang – Khe Cát, xã Thanh Kỳ, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Thanh Kỳ	Thôn Tân Quang, Thanh quang, Khe Cát	18.000	18.000			18.000	1.850	HPI-ND01
35	**Xã Luận Thành**			**13.952**	**12.684**	**1.268**		**12.684**	**1.470**	
1.1	Cải tạo, nâng cấp đường, tràn từ nhà ông Đỗ Duy Nam đến khe nhượng, Xóm 1-Thôn Thành Thắng	UBND xã Luận Thành	Thôn Thành Thắng	7.700	7.000	700		7.000	810	HPI-ND01
1.2	Cải tạo nâng cấp đường, tràn hón Hét, Xóm 3 Thôn Tiến Hưng 2(cũ) đi xóm 4 thôn Thành Thắng (cũ)	UBND xã Luận Thành	Thôn Thành Thắng	6.252	5.684	568		5.684	660	HPI-ND01
36	**Xã Tân Thành**			**15.860**	**15.860**			**15.860**	**1.960**	
1.1	Tuyến đường nội thôn đoạn từ Hồ Na Cuồng đi xã Thượng Ninh	UBND xã Tân Thành	Thôn Thành Lãm, xã Tân Thành	4.000	4.000			4.000	500	HPI-ND01
1.2	Đường giao thông từ nhà đường 519B (Yên Mỹ) đi Bãi Ngạp	UBND xã Tân Thành	Thôn Thành Lãm, xã Tân Thành	5.360	5.360			5.360	620	HPI-ND01
1.3	Đường giao thông từ nhà ông Thành đi đến nhà Ông Tuyên thôn Thành Sơn	UBND xã Tân Thành	Thôn Thành Sơn	4.000	4.000			4.000	500	HPI-ND01
1.4	Đường giao thông từ thôn Yên Mỹ ra đường 519B thôn Thành Nàng	UBND xã Tân Thành	Thôn Yên Mỹ	2.500	2.500			2.500	340	HPI-ND01
37	**Xã Thắng Lộc**			**15.000**	**14.900**	**100**		**14.900**	**1.770**	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
1.1	Sửa chữa, cải tạo đập dâng và xây dựng mới hệ thống kênh mương Nà Háng, thôn Xem Đót, xã Thắng Lộc.	UBND xã Thắng Lộc	Xã Thắng Lộc	5.000	4.950	50		4.950	570	HPI-ND02
1.2	Mở mới tuyến đường giao thông liên thôn từ làng Mường, thôn Pà Cầu đi thôn Xuân Lộc	UBND xã Thắng Lộc	Xã Thắng Lộc	3.000	3.000			3.000	350	HPI-ND01
1.3	Sữa chữa nâng cấp đập bai Lung và đầu tư xây dựng mương thủy lợi Bai Lung thôn Chiềng	UBND xã Thắng Lộc	Xã Thắng Lộc	3.000	3.000			3.000	350	HPI-ND02
1.4	Sữa chữa nâng cấp Bai Nạp và đầu tư xây dựng mương thủy lợi Bai Nạp thôn Chiềng xã Thắng Lộc.	UBND xã Thắng Lộc	Xã Thắng Lộc	4.000	3.950	50		3.950	500	HPI-ND02
38	**Xã Lương Sơn**			**12.000**	**12.000**			**12.000**	**1.390**	
1.1	Đường liên thôn Minh Quang - Minh Ngọc (đoạn từ hồ Đào lạc đi thôn Minh Ngọc)	UBND xã Lương Sơn	Thôn Ngọc Quang, xã Lương Sơn	5.000	5.000			5.000	580	HPI-ND01
1.2	Đường giao thông cụm 1, cụm 2 thôn Lương Thiện, xã Lương Sơn	UBND xã Lương Sơn	Thôn Lương Thiện, xã Lương Sơn	7.000	7.000			7.000	810	HPI-ND01
39	**Xã Vạn Xuân**			**15.000**	**13.940**	**1.060**		**13.940**	**1.570**	
1.1	Cải tạo, nâng cấp đập mương Mường xã Vạn Xuân, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Vạn Xuân	Xã Vạn Xuân	10.000	9.450	550		9.450	1.050	HPI-ND02
1.2	Công trình nước sinh hoạt tập trung thôn Công Thương (thôn Thác Làng và thôn Công Thương cũ), xã Vạn Xuân	UBND xã Vạn Xuân	Xã Vạn Xuân	5.000	4.490	510		4.490	520	HPI-ND10
40	**Xã Mường Mìn**			**12.470**	**12.340**	**130**		**12.340**	**1.540**	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
1.1	Nước sạch sinh hoạt tập trung bản Yên, xã Mường Mìn, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Mường Mìn	Bản Yên, xã Mường Mìn	3.520	3.470	50		3.470	400	HPI-ND10
1.2	Xây dựng mới Đập, mương Nà On bản Yên, xã Mường Mìn, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Mường Mìn	Bản Yên, xã Mường Mìn	3.400	3.370	30		3.370	500	HPI-ND02
1.3	Xây dựng mới đập, tuyến mương Pạng bản Mìn, xã Mường Mìn, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Mường Mìn	Bản Mìn, xã Mường Mìn	5.550	5.500	50		5.500	640	HPI-ND02
41	**Xã Linh Sơn**			**7.500**	**7.500**			**7.500**	**980**	
1.1	Xây mới tuyến đường giao thông từ nhà Lê Công Thành đến nhà bà Quách Thị Nải thôn Chiềng Ban 2, xã Linh Sơn	UBND xã Linh Sơn	Xã Linh Sơn	4.000	4.000			4.000	500	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, xây mới ngõ số 2 thôn Oi, xã Linh Sơn, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Linh Sơn	Xã Linh Sơn	1.500	1.500			1.500	220	HPI-ND01
1.3	Xây mới hệ thống nước sinh hoạt tập trung tại bản Cảy	UBND xã Linh Sơn	Xã Linh Sơn	2.000	2.000			2.000	260	HPI-ND10
42	**Xã Nguyệt Ấn**			**11.000**	**11.000**			**11.000**	**1.600**	
1.1	Nâng cấp và mở rộng tuyến đường giao thông làng Chầm đi làng Rềnh, xã Nguyệt Ấn, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Nguyệt Ấn	Xã Nguyệt Ấn	11.000	11.000			11.000	1.600	HPI-ND01
43	**Xã Thành Vinh**			**14.500**	**13.000**	**1.500**		**13.000**	**1.500**	
1.1	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông thôn Thượng Quang đi thôn Mặc Hèo (Đoạn từ dốc Thượng Quang đến khu hạ tầng dân cư thôn Mặc Hèo), xã Thành Vinh, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Thành Vinh	Thôn Thượng Quang, thôn Mặc Hèo, xã Thành Vinh	10.500	10.000	500		10.000	1.100	HPI-ND01
1.2	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông thôn Lộc Phượng 1 (Từ QL217B đi cầu phao Thành Vinh), xã Thành Vinh, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Thành Vinh	Thôn Lộc Phượng 1, xã Thành Vinh	4.000	3.000	1.000		3.000	400	HPI-ND01
44	**Xã Thạch Quảng**			**20.000**	**20.000**			**20.000**	**2.550**	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
1.1	Đầu tư sửa chữa nâng cấp xây dựng công trình: Tuyến đường Từ đường HCM bà Lan Thạo đến nhà bà Nguyễn Thị Tuyến thôn Quảng Giang	UBND xã Thạch Quảng	Xã Thạch Quảng	6.500	6.500			6.500	750	HPI-ND01
1.2	Sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường từ đường HCM nhà ông Sáng Quyên thôn Lâm Thành đến ngã ba Gốc Gạo thôn Tượng Phong	UBND xã Thạch Quảng	Xã Thạch Quảng	13.500	13.500			13.500	1.800	HPI-ND01
45	**Xã Như Xuân**			**30.500**	**27.500**	**3.000**		**27.500**	**3.170**	
1.1	Nâng cấp đường giao thông thôn Mỹ Ré xã Như Xuân (Khu Thanh Yên Cũ)	UBND xã Như Xuân	Xã Như Xuân	7.000	6.500	500		6.500	750	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp đường 15A cũ đoạn thôn Xuân Chính, đi thôn Xuân Thịnh xã Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Như Xuân	Xã Như Xuân	8.500	7.500	1.000		7.500	860	HPI-ND01
1.3	Nâng cấp đường giao thông thôn Yên Thắng đi 520D xã Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Như Xuân	Xã Như Xuân	7.000	6.500	500		6.500	750	HPI-ND01
1.4	Nâng cấp đường giao thông thôn Quế Phú, xã Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Như Xuân	Xã Như Xuân	8.000	7.000	1.000		7.000	810	HPI-ND01
46	**Xã Thượng Ninh**			**12.300**	**12.300**			**12.300**	**1.560**	
1.1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ thôn Vân Tiến đi trạm Kiểm Lâm, thôn Vân Tiến, xã Thượng Ninh	UBND xã Thượng Ninh	Xã Thượng Ninh	5.700	5.700			5.700	660	HPI-ND01
1.2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông Rãy Dâu xã Thượng Ninh, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Thượng Ninh	Xã Thượng Ninh	2.200	2.200			2.200	300	HPI-ND01
1.3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông Xuân Thượng - Tiến Thành xã Thượng Ninh, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Thượng Ninh	Xã Thượng Ninh	2.200	2.200			2.200	300	HPI-ND01
1.4	Cải tạo, sửa chữa Đập cây khế, xã Thượng Ninh	UBND xã Thượng Ninh	Xã Thượng Ninh	2.200	2.200			2.200	300	HPI-ND02
47	**Xã Thọ Bình**			**17.600**	**15.600**	**2.000**		**15.600**	**1.600**	
1.1	Đường giao thông trục chính xã Thọ Bình. Hạng mục: Tuyến đường từ thôn 21 cũ đi thôn Bao Lâm cũ	UBND xã Thọ Bình	Xã Thọ Bình	17.600	15.600	2.000		15.600	1.600	HPI-ND01

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
48	**Xã Ngọc Trạo**			**12.000**	**11.000**	**1.000**		**11.000**	**1.600**	
1.1	Đường giao thông từ thôn Ngọc Tâm đi thôn Ngọc Thành đi đường Thành Thọ, Thành An, Thành Tâm, xã Ngọc Trạo	UBND xã Ngọc Trạo	Xã Ngọc Trạo	12.000	11.000	1.000		11.000	1.600	HPI-ND01
49	**Xã Thạch Bình**			**20.820**	**18.738**	**2.082**		**18.738**	**2.200**	
1.1	Xây dựng đường giao thông từ thôn Đồng Hương đi thôn Tân Sơn, xã Thạch Bình	UBND xã Thạch Bình	Xã Thạch Bình	6.620	5.958	662		5.958	690	HPI-ND01
1.2	Xây dựng đường giao thông từ thôn Bằng phú đi thôn Liên Sơn, xã Thạch Bình	UBND xã Thạch Bình	Xã Thạch Bình	7.700	6.930	770		6.930	800	HPI-ND01
1.3	Đường giao thông thôn Thạch Yến, xã Thạch Bình	UBND xã Thạch Bình	Xã Thạch Bình	6.500	5.850	650		5.850	710	HPI-ND01
50	**Xã Yên Thọ**			**10.243**	**9.728**	**515**		**9.728**	**1.200**	
1.1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông từ NVH thôn Xuân Tiến đến thôn Xuân Thọ	UBND xã Yên Thọ	Thôn Xuân Tiến	2.950	2.800	150		2.800	400	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông Cổng làng Yên Lạc đến Ngã ba Thôn Tân Xuân	UBND xã Yên Thọ	Thôn Yên Lạc và Tân Xuân	7.293	6.928	365		6.928	800	HPI-ND01
51	**Xã Thường Xuân**			**7.800**	**7.293**	**507**		**7.293**	**840**	
1.1	Đường giao thông thôn Thống Nhất 2	UBND xã Thường Xuân	Thôn Thống Nhất 2	2.800	2.593	207		2.593	300	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp tuyến đường từ Nhà văn hóa thôn Thanh Trung 2 đi Thôn Đông Xuân (cũ)	UBND xã Thường Xuân	Thôn Thanh Trung 2	5.000	4.700	300		4.700	540	HPI-ND01
52	**Xã Minh Sơn**			**10.300**	**10.000**	**300**		**10.000**	**1.160**	
1.1	Nâng cấp mở rộng đường giao thông thôn Minh Thái, xã Minh Sơn	UBND xã Minh Sơn	Thôn Minh Thái, xã Minh Sơn	5.150	5.000	150		5.000	580	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, mở rộng đường liên thôn đoạn qua thôn Liên Minh	UBND xã Minh Sơn	Thôn Liên Minh, xã Minh Sơn	5.150	5.000	150		5.000	580	HPI-ND01
53	**Xã Ngọc Lặc**			**9.600**	**9.600**			**9.600**	**1.140**	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
1.1	Sửa chữa, nâng cấp, cải tạo Cầu Gãy, thôn Thanh Bình, xã Thúy Sơn	UBND xã Ngọc Lặc	Thôn Thanh Bình, xã Ngọc Lặc	7.300	7.300			7.300	840	HPI-ND01
1.2	Sửa chữa, nâng cấp đập thủy lợi thôn Trung Sơn, xã Ngọc Lặc	UBND xã Ngọc Lặc	Thôn Trung Sơn, xã Ngọc Lặc	2.300	2.300			2.300	300	HPI-ND02
54	**Xã Thạch Lập**			**10.000**	**9.500**	**500**		**9.500**	**1.050**	
1.1	Đầu tư xây dựng cầu qua suối Bia Bàn đi vào cụm dân cư số 5 thôn Đô Sơn, xã Thạch Lập	UBND xã Thạch Lập	Thôn Đô Sơn	10.000	9.500	500		9.500	1.050	HPI-ND01
55	**Xã Ngọc Liên**			**15.225**	**14.500**	**725**		**14.500**	**1.970**	
1.1	Đường giao thông từ thôn Ngọc Minh đi thôn Đoàn Kết, xã Ngọc Liên, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Ngọc Liên	Xã Ngọc Liên	12.075	11.500	575		11.500	1.570	HPI-ND01
1.2	Xây dựng tuyến mương chính và các tuyến mương nội đồng của Hồ Gốc Chuối	UBND xã Ngọc Liên	Xã Ngọc Liên	3.150	3.000	150		3.000	400	HPI-ND02
56	**Xã Kiên Thọ**			**20.650**	**18.000**	**2.650**		**18.000**	**2.060**	
1.1	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường giao thông từ thôn Thọ Phú đi thôn Phúc Thịnh, xã Kiên Thọ	UBND xã Kiên Thọ	Xã Kiên Thọ	8.250	7.300	950		7.300	820	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường giao thông thôn Phùng Minh, xã Kiên Thọ	UBND xã Kiên Thọ	Xã Kiên Thọ	5.400	4.700	700		4.700	540	HPI-ND01
1.3	Tu sửa, nâng cấp hồ Nam, xã Kiên Thọ	UBND xã Kiên Thọ	Xã Kiên Thọ	4.000	3.450	550		3.450	400	HPI-ND02
1.4	Nâng cấp hồ Thành Công, xã Kiên Thọ	UBND xã Kiên Thọ	Xã Kiên Thọ	3.000	2.550	450		2.550	300	HPI-ND02
57	**Xã Cẩm Tân**			**12.200**	**10.000**	**2.200**		**10.000**	**1.190**	
1.1	Nâng cấp đường giao thông nông thôn từ thôn Hoàng Vĩnh đi Phúc Mỹ xã Cẩm Tân	UBND xã Cẩm Tân	Xã Cẩm Tân	8.000	6.000	2.000		6.000	690	HPI-ND01
1.2	Xây dựng hệ thống đối nối nước sạch sinh hoạt từ Nhà máy nước sạch Cẩm Vân đi xã Cẩm Tân	UBND xã Cẩm Tân	Xã Cẩm Tân	4.200	4.000	200		4.000	500	HPI-ND10
58	**Xã Vân Du**			**16.750**	**15.000**	**1.750**		**15.000**	**1.730**	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
1.1	Đường giao thông thôn Thạch Lỗi đi thôn Ngọc Động, xã Vân Du	UBND xã Vân Du	Xã Vân Du	8.000	7.200	800		7.200	830	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ thôn Đồng Phú đi thôn Bái Đang, xã Vân Du	UBND xã Vân Du	Xã Vân Du	8.750	7.800	950		7.800	900	HPI-ND01
59	**Xã Xuân Du**			**12.000**	**10.000**	**2.000**		**10.000**	**1.100**	
1.1	Đường giao thông từ tỉnh lộ 514 đi thôn 9, thôn 12 xã Xuân Du	UBND xã Xuân Du	Xã Xuân Du	12.000	10.000	2.000		10.000	1.100	HPI-ND01
60	**Xã Mậu Lâm**			**19.800**	**19.800**			**19.800**	**2.110**	
1.1	Nâng cấp tuyến đường dân sinh khu dân cư làng đồi tròn thôn Phú Sơn	UBND xã, Mậu Lâm	Thôn Phú Sơn, Mậu Lâm	15.150	15.150			15.150	1.580	HPI-ND01
1.2	Dự án tuyến đường từ Khe Sình đi thôn Phú Phượng 4	UBND xã Mậu Lâm	Thôn Khe Sình, Phú Phượng 4, xã Mậu Lâm	4.650	4.650			4.650	530	HPI-ND01
61	**Xã Cẩm Tú**			**10.500**	**9.803**	**697**		**9.803**	**1.120**	
1.1	Đường giao thông thôn Giang Hồng, thôn Giang Trung, xã Cẩm Tú	UBND xã Cẩm Tú	Thôn Giang Hồng, thôn Giang Trung	5.500	5.003	497		5.003	570	HPI-ND01
1.2	Đường giao thông thôn Quý Tiến, xã Cẩm Tú	UBND xã Cẩm Tú	Thôn Quý Tiến	5.000	4.800	200		4.800	550	HPI-ND01
62	**Xã Cẩm Thạch**			**11.500**	**10.000**	**500**	**1.000**	**10.000**	**1.200**	
1.1	Đường đi khu dân cư thôn Vàn Thung xã Cẩm Thạch		Xã Cẩm Thạch	9.000	8.000	200	800	8.000	900	HPI-ND01
1.2	Đập Mó Thón, xã Cẩm Thạch	UBND xã Cẩm Thạch	Xã Cẩm Thạch	2.500	2.000	300	200	2.000	300	HPI-ND02
63	**Xã Cẩm Vân**			**10.000**	**9.600**		**400**	**9.600**	**1.490**	
1.1	Đấu nối Nước sạch tập trung 2 thôn xã Cẩm Vân (Cẩm Yên cũ)	UBND xã Cẩm Vân	Thôn Cẩm Yên ,thôn Yên Duyệt; thôn Thanh Sơn, thôn Cẩm Châu	10.000	9.600		400	9.600	1.490	HPI-ND10
64	**Xã Sao Vàng**			**20.000**	**6.000**	**14.000**		**6.000**	**690**	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
1.1	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ QL.47 đi đường đôi Cảng hàng không	UBND xã Sao Vàng	Xã Sao Vàng	20.000	6.000	14.000		6.000	690	HPI-ND01
64	**Xã Cẩm Thủy**			**11.700**	**10.530**	**1.170**		**10.530**	**1.280**	
1.1	Kiên cố hóa Kênh tưới khu đồng thôn Song, thôn Tử Niêm, thôn Phong Ý và thôn Dương Đình Huệ, xã Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Cẩm Thủy	Thôn Song, thôn Tử Niêm, thôn Phong Ý và thôn Dương Đình Huệ, xã Cẩm Thủy	2.500	2.250	250		2.250	300	HPI-ND02
1.2	Nâng cấp, cải tạo Kênh tưới nội đồng thôn Gia Dụ, xã Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Cẩm Thủy	Thôn Gia Dụ, xã Cẩm Thủy	2.200	1.980	220		1.980	280	HPI-ND02
1.3	Xây dựng đập dâng và hệ thống kênh dẫn nước đập Gò Lý, thôn Ngọc Linh, xã Cẩm Thủy	UBND xã Cẩm Thủy	Thôn Ngọc Linh, xã Cẩm Thủy	7.000	6.300	700		6.300	700	HPI-ND02
66	**Xã Kim Tân**			**10.108**	**9.000**	**1.108**		**9.000**	**1.040**	
1.1	Nâng cấp tuyến đường giao thông phục vụ đi lại và sản xuất nông nghiệp tại thôn Hoàng Thành, xã Kim Tân	UBND xã Kim Tân	Xã Kim Tân	4.837	4.500	337		4.500	520	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp tuyến đường giao thông phục vụ đi lại và sản xuất nông nghiệp tại thôn Thủ Chính, xã Kim Tân	UBND xã Kim Tân	Xã Kim Tân	5.271	4.500	771		4.500	520	HPI-ND01
67	**Xã Các Sơn**			**21.000**	**14.251**	**6.749**		**14.251**	**1.760**	
1.1	Xây mới cầu Trung đoàn và nâng cấp đường giao thông hai đầu cầu tại thôn Thanh Nam, xã Các Sơn	UBND xã Các Sơn	Thôn Thanh Nam xã Các Sơn	6.000	4.800	1.200		4.800	550	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp cải tạo đường Tôn Hiến Thành đoạn cầu ông Tam đến giáp phường Hải Lĩnh	UBND xã Các Sơn	Thôn Hùng Sơn, xã Các Sơn	12.000	7.051	4.949		7.051	810	HPI-ND01
1.3	Kênh tưới nội đồng thôn Thống nhất	UBND xã Các Sơn	Thôn Song xã Các Sơn	3.000	2.400	600		2.400	400	HPI-ND02
68	**Xã Trường Lâm**			**20.250**	**14.822**	**5.428**		**14.822**	**1.680**	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
1.1	Đầu tư cải tạo, sửa chữa tuyến đường và hệ thống mương tiêu thoát nước dân cư từ đường 2B đến nhà thờ giáo xứ Minh Thanh thôn Trường Thanh, xã Trường Lâm	UBND xã Trường Lâm	Thôn Trường Thanh	12.500	9.171	3.329		9.171	1.000	HPI-ND01
1.2	Cải tạo, mở rộng các tuyến đường giao thông và mương tiêu nước thôn Quyết Thắng, xã Trường Lâm.	UBND xã Trường Lâm	Thôn Quyết Thắng	7.750	5.651	2.099		5.651	680	HPI-ND01
69	**Xã Hà Trung**			**16.100**	**14.251**	**1.849**		**14.251**	**1.500**	
1.1	Kiến cố tuyến Mương 19/5	UBND xã Hà Trung	Xã Hà Trung	16.100	14.251	1.849		14.251	1.500	HPI-ND02
70	**Xã Hà Long**			**35.900**	**14.251**	**21.649**		**14.251**	**2.000**	
1.1	Kiên cố đường Giao thông từ trụ sở Công An xã đi đê sông Hoạt xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Hà Long	Thôn Song Nga, Trạng Sơn	9.000	3.800	5.200		3.800	500	HPI-ND01
1.2	Kiên cố đường Giao thông từ nhà Văn hóa thôn Hoàng Yến đi thôn Chánh Lộc xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Hà Long	Thôn Hoàng Yến, thôn Chánh Lộc	8.800	3.451	5.349		3.451	500	HPI-ND01
1.3	Kiên cố kênh tưới tiêu từ Đầu thôn Đà Sơn (thôn Mỹ Dương cũ) đi Trạm bơm Hà Giang II, xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Hà Long	Thôn Đà Sơn (thôn Mỹ Dương cũ)	9.000	3.500	5.500		3.500	500	HPI-ND02
1.4	Kiên cố kênh từ đường Vòng thôn Trạng Sơn đến kênh Đìa Ngang thôn Song Nga xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Hà Long	Thôn Song Nga, Trạng Sơn	9.100	3.500	5.600		3.500	500	HPI-ND01
71	**Xã Triệu Lộc**			**19.000**	**14.251**	**4.749**		**14.251**	**1.700**	
1.1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông từ thôn Châu Lộc đi cầu Bái Sen xã Triệu Lộc	UBND xã Triệu Lộc	Thôn Quyết Thắng và Phú Minh	14.500	11.251	3.249		11.251	1.300	HPI-ND01
1.2	Kiên cố tuyến kênh tưới, tiêu nội đồng thôn Đại Lộc, xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Triệu Lộc	Thôn Ngọc Trì, xã Triệu Lộc	4.500	3.000	1.500		3.000	400	HPI-ND02
72	**Xã Hậu Lộc**			**10.990**	**5.451**	**5.539**		**5.451**	**670**	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
1.1	Mở rộng nâng cấp tuyến đường từ Quốc lộ 10 đến đường QL10- Phạm Bành, xã Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Hậu Lộc	Xã Hậu Lộc	3.200	1.500	1.700		1.500	220	HPI-ND01
1.2	Tuyến Đường từ Quốc Lộ 10 đi Nhà ông Hoa Cơ, thôn Trần Phú, xã Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Hậu Lộc	Xã Hậu Lộc	7.790	3.951	3.839		3.951	450	HPI-ND01
73	**Xã Hoằng Tiến**			**45.000**	**28.504**	**16.496**		**28.504**	**3.250**	
1.1	Nâng cấp mở rộng tuyến đường giao thông thôn thôn Ngọc Chuế.(đoạn từ đường ĐH.HH13 đến cuối thôn Chuế 1 cũ)	UBND xã Hoằng Tiến	Xã Hoằng Tiến	9.000	5.700	3.300		5.700	650	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp mở rộng tuyến đường thôn Ngọc Chuế (đoạn từ đường cổng làng ĐH.HH13 qua nhà văn hóa đến cuối thôn Chuế 2 cũ)	UBND xã Hoằng Tiến	Xã Hoằng Tiến	9.000	5.700	3.300		5.700	650	HPI-ND01
1.3	Nâng cấp mở rộng tuyến đường thôn Ngọc Chuế (đoạn từ ĐH.HH13 qua trường TH và THCS đến cuối thôn Chuế 2 cũ)	UBND xã Hoằng Tiến	Xã Hoằng Tiến	9.000	5.700	3.300		5.700	650	HPI-ND01
1.4	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông thôn Trường Phúc đến đường ĐH.HH 24 (thôn 4 cũ)	UBND xã Hoằng Tiến	Xã Hoằng Tiến	9.000	5.700	3.300		5.700	650	HPI-ND01
1.5	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường giao thông nông thôn Giang Sơn, Liên Minh, Đại Trường và Linh Trường	UBND xã Hoằng Tiến	Xã Hoằng Tiến	9.000	5.704	3.296		5.704	650	HPI-ND01
74	**Xã Hoằng Thanh**			**40.964**	**28.504**	**6.405**	**6.055**	**28.504**	**3.220**	
1.1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Lê Lợi, xã Hoằng Thanh; hạng mục: Nền, mặt đường, rãnh thoát nước	UBND xã Hoằng Thanh	Xã Hoằng Thanh	11.670	8.121	1.799	1.750	8.121	930	HPI-ND01
1.2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Đại Long, xã Hoằng Thanh; HM: Cải tạo nền đường, rãnh thoát nước các tuyến trong thôn	UBND xã Hoằng Thanh	Xã Hoằng Thanh	11.626	8.100	1.871	1.655	8.100	930	HPI-ND01

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
1.3	Nâng cấp, cải tạo hệ thống đường GTNT, hệ thống rãnh thoát nước các tuyến thôn Xuân Phụ xã Hoằng Thanh, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Hoằng Thanh	Xã Hoằng Thanh	5.250	3.630	833	787	3.630	410	HPI-ND01
1.4	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ đoạn từ trạm y tế Hoằng Ngọc đến nhà văn hóa thôn 6 xã Hoằng Thanh, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Hoằng Thanh	Xã Hoằng Thanh	12.418	8.653	1.902	1.863	8.653	950	HPI-ND01
75	**Xã Hoằng Lộc**			**18.000**	**14.251**	**3.749**		**14.251**	**1.440**	
1.1	Nâng cấp, mở rộng đường và làm rãnh thoát nước tuyến đường trục chính thôn Bột Trung	UBND xã Hoằng Lộc	Xã Hoằng Lộc	8.000	6.551	1.449		6.551	640	HPI-ND01
1.2	Đường giao thông, mương nội đồng và cải tạo nâng cấp đường giao thông, rãnh thoát nước trong khu dân cư thôn 7, thôn 8.	UBND xã Hoằng Lộc	Xã Hoằng Lộc	10.000	7.700	2.300		7.700	800	HPI-ND01
76	**Xã Hoằng Châu**			**15.000**	**12.000**	**3.000**		**12.000**	**1.440**	
1.1	Tuyến đường giao thông thôn Hồng Nhuệ 1 (đoạn từ đường ĐH.HH16 đến nhà ông Giảng)	UBND xã Hoằng Châu	Xã Hoằng Châu	5.500	4.400	1.100		4.400	510	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ thôn Đình Long đi thôn Ngọc Long, xã Hoằng Châu	UBND xã Hoằng Châu	Xã Hoằng Châu	4.000	3.200	800		3.200	420	HPI-ND01
1.3	Nâng cấp, mở rộng đường số 01 thôn Châu Phong (Thôn Châu Phong đi thôn Chung Sơn), xã Hoằng Châu	UBND xã Hoằng Châu	Xã Hoằng Châu	5.500	4.400	1.100		4.400	510	HPI-ND01
77	**Xã Hoằng Sơn**			**22.000**	**14.251**	**7.749**		**14.251**	**2.180**	
1.1	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến đường liên thôn từ thôn Đông Bình đến thôn Trung Xuân, xã Hoằng Sơn, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Hoằng Sơn	Thôn Đông Bình, Thôn Trung Xuân, xã Hoằng Sơn	18.000	11.451	6.549		11.451	1.800	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, kiên cố hoá kênh nội đồng thôn Bản Thành, xã Hoằng Sơn	UBND xã Hoằng Sơn	Thôn Bản Định, Bản Thành, xã Hoằng Sơn	4.000	2.800	1.200		2.800	380	HPI-ND02

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
78	**Xã Hoằng Phú**			**45.000**	**14.251**	**30.749**		**14.251**	**1.510**	
1.1	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông (Nối từ MB 103 xã Hoằng Kim cũ đi MB 132 xã Hoằng Quý cũ, chạy dọc phía Tây từ công ty DEHAN đến nhà máy Z11)	UBND xã Hoằng Phú	Xã Hoằng Phú	30.000	9.751	20.249		9.751	1.000	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ thôn Xa Vệ đi thôn Xa Vệ 4	UBND xã Hoằng Phú	Xã Hoằng Phú	15.000	4.500	10.500		4.500	510	HPI-ND01
79	**Xã Hoằng Giang**			**24.000**	**14.251**	**9.749**		**14.251**	**1.500**	
1.1	Hệ thống kênh tiêu, trạm bơm tiêu Hợp - Giang	UBND xã Hoằng Giang	Xã Hoằng Giang	24.000	14.251	9.749		14.251	1.500	HPI-ND02
80	**Xã Quảng Yên**			**30.000**	**14.251**	**15.749**		**14.251**	**2.160**	
1.1	Nâng cấp, cải tạo đường từ Cầu Trào xã Quảng Yên đi Quảng Ngọc	UBND xã Quảng Yên	Xã Quảng Yên	30.000	14.251	15.749		14.251	2.160	HPI-ND01
81	**Xã Quảng Ninh**			**31.796**	**26.000**	**5.796**		**26.000**	**2.890**	
1.1	Nâng cấp mở rông tuyến đường từ Ninh-Nhân-Hải qua nhà văn hóa thôn 4 đến đồng Cồn xã Quảng Ninh, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Quảng Ninh	Thôn 4, xã Quảng Ninh	9.800	8.000	1.800		8.000	920	HPI-ND01
1.2	Xây dựng mương tiêu nước từ Trạm Bơm đi đường 4A xã Quảng Ninh, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Đai, xã Quảng Ninh	11.996	10.000	1.996		10.000	1.050	HPI-ND02
1.3	Nâng cấp rở rộng tuyến đường từ nhà Ông Kiểu thôn 4 đến Chùa Phật Tông Ninh Nhân Hải, xã Quảng Ninh, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Quảng Ninh	Thôn Nhân Hùng , xã Quảng Ninh	10.000	8.000	2.000		8.000	920	HPI-ND01
82	**Xã Tiên Trang**			**24.005**	**16.803**	**7.202**		**16.803**	**2.390**	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
1.1	Nâng cấp, cải tạo đường Đường 257 kéo dài. Hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước đoạn từ thôn Đông Tiến đến thôn Đông Hải; đoạn trước chợ Quảng Nham, xã Tiên Trang, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Tiên Trang	Xã Tiên Trang	8.005	5.603	2.402		5.603	640	HPI-ND01
1.2	Kênh tiêu từ thôn Lọc Thắng đến thôn Đông Tiến, xã Tiên Trang, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Tiên Trang	Xã Tiên Trang	16.000	11.200	4.800		11.200	1.750	HPI-ND02
83	**Xã Trung Chính**			**25.000**	**14.251**	**10.749**		**14.251**	**1.690**	
1.1	Xây dựng tuyến đường giao thông thôn Tân Sơn, xã Trung Chính	UBND xã Trung Chính	Thôn Tân Sơn, xã Trung Chính	10.000	6.000	4.000		6.000	690	HPI-ND01
1.2	Sửa chữa mặt đường và xây dựng tuyến rãnh thoát nước đường trục chính thôn Hồi Cù, xã Trung Chính	UBND xã Trung Chính	Thôn Hồi Cù, xã Trung Chính	6.000	3.451	2.549		3.451	450	HPI-ND01
1.3	Xây dựng tuyến rãnh thoát nước thôn Hoàng Sơn, xã Trung Chính	UBND xã Trung Chính	Thôn Hoàng Sơn, xã Trung Chính	9.000	4.800	4.200		4.800	550	HPI-ND01
84	**Xã Công Chính**			**20.200**	**14.822**	**4.178**	**1.200**	**14.822**	**1.590**	
1.1	Đầu tư xây dựng tuyến đường dân sinh kết hợp phục vụ sản xuất từ thông Hậu Sơn đi thôn Cự Phú	UBND xã Công Chính	Xã Công Chính	14.000	10.571	2.429	1.000	10.571	1.100	HPI-ND01
1.2	Kênh mương nội đồng thôn Sơn Thành đi Phú Đa	UBND xã Công Chính	Xã Công Chính	6.200	4.251	1.749	200	4.251	490	HPI-ND02
85	**Xã Thiệu Quang**			**17.800**	**12.460**	**5.340**		**12.460**	**1.430**	
1.1	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ nhà canh đê Sông Mã đến cống Doãng nổ Thiệu Thịnh, xã Thiệu Quang.	UBND xã Thiệu Quang	Xã Thiệu Quang	8.000	5.600	2.400		5.600	640	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ Trạm Y tế đến cổng làng Châu Trướng, xã Thiệu Quang, tỉnh Thanh Hóa.	UBND xã Thiệu Quang	Xã Thiệu Quang	9.800	6.860	2.940		6.860	790	HPI-ND01
86	**Xã Yên Định**			**21.300**	**14.251**	**7.049**		**14.251**	**1.560**	
1.1	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thôn Duyên Thượng 1, thôn Duyên Thượng 2 xã Yên Định,	UBND xã Yên Định	Xã Yên Định	15.000	10.251	4.749		10.251	1.100	HPI-ND01

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
1.2	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thôn Vực Phác, xã Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.	UBND xã Yên Định	Xã Yên Định	6.300	4.000	2.300		4.000	460	HPI-ND01
87	**Xã Quý Lộc**			**20.000**	**14.251**	**5.749**		**14.251**	**1.500**	
1.1	Đường giao thông từ đê sông Mã đi thôn 10, xã Quý Lộc, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Quý Lộc	Thôn 10, xã Quý Lộc	20.000	14.251	5.749		14.251	1.500	HPI-ND01
88	**Xã Định Tân**			**19.700**	**14.251**	**5.449**		**14.251**	**1.600**	
1.1	Nâng cấp đường giao thông liên thôn từ Đình làng Kênh thôn đi thôn Tân long, xã Định Tân	UBND xã Định Tân	Xã Định Tân	15.000	11.000	4.000		11.000	1.150	HPI-ND01
1.2	Sữa chữa, nâng cấp tuyến đường từ đường giao thông Ái thôn đi thôn Vệ Thôn, xã Định Tân, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Định Tân	Xã Định Tân	4.700	3.251	1.449		3.251	450	HPI-ND01
89	**Xã Thọ Xuân**			**28.860**	**14.251**	**14.609**		**14.251**	**1.640**	
1.1	Đường từ Đường tỉnh 507 đi cầu Tây, xã Thọ Xuân	UBND xã Thọ Xuân	Thôn Lư Khánh Thượng và Lư Khánh Đông, xã Thọ Xuân	9.290	6.251	3.039		6.251	720	HPI-ND01
1.2	Đường từ cầu Trường Giang thôn Quần Kênh 1 đi Thôn Quân Kênh 2, xã Thọ Xuân	UBND xã Thọ Xuân	Thôn Quần Kênh 1 và Thôn Quân Kênh 2 cũ (nay là Thôn Xuân Giang 1)	9.850	4.000	5.850		4.000	460	HPI-ND01
1.3	Đường Trần Quang Khải, đoạn từ cầu Trắng đi Quốc lộ 47C, xã Thọ Xuân	UBND xã Thọ Xuân	Thôn Xuân Phả 2 và thôn Xuân Phả 3, xã Thọ Xuân	9.720	4.000	5.720		4.000	460	HPI-ND01
90	**Xã Thọ Long**			**22.400**	**14.251**	**8.149**		**14.251**	**1.690**	
1.1	Xây mới Đường giao thông và kênh mương phát triển sản xuất thôn Làng Dừa, xã Thọ Long	UBND xã Thọ Long	Thôn Làng Dừa, xã Thọ Long	10.000	6.300	3.700		6.300	720	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, cải tạo Đường giao thông và kênh mương phát triển sản xuất thôn Phúc Long xã Thọ Long	UBND xã Thọ Long	Thôn Phúc Long	6.900	4.430	2.470		4.430	510	HPI-ND01

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
1.3	Xây mới Đường phát triển sản xuất từ đường nối 3QL đi khu dân cư Đồng Ải, thôn Làng Dừa	UBND xã Thọ Long	Thôn Mạnh Chư, Thôn Làng Dừa	5.500	3.521	1.979		3.521	460	HPI-ND01
91	**Xã Xuân Hòa**			**18.500**	**14.251**	**4.249**		**14.251**	**1.830**	
1.1	Nâng cấp tuyến đường đền Bà Phạm Thị Ngọc Trần thôn Thượng Vôi	UBND xã Xuân Hòa	Thôn Thượng Vôi	4.000	3.000	1.000		3.000	410	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp tuyến đường bên trái tuyến kênh Nông Giang	UBND xã Xuân Hòa	Thôn Tứ Trụ, Thịnh Mỹ, Quần Đội	6.000	4.451	1.549		4.451	510	HPI-ND01
1.3	Nâng cấp Mương tưới, tiêu nội đồng Thôn Thắng Lợi	UBND xã Xuân Hòa	Xã Xuân Hòa	2.500	2.000	500		2.000	270	HPI-ND02
1.4	Nâng cấp Mương tưới, tiêu nội đồng Thôn Phấn Thôn đi Hòa Giang	UBND xã Xuân Hòa	Thôn Phấn Thôn	3.000	2.400	600		2.400	320	HPI-ND02
1.5	Nâng cấp Mương tưới, tiêu nội đồng Thôn Đông Phương Hồng đi Hòa Giang	UBND xã Xuân Hòa	Thôn Đông Phương Hồng	3.000	2.400	600		2.400	320	HPI-ND02
92	**Xã Lam Sơn**			**21.214**	**14.251**	**6.963**		**14.251**	**1.630**	
1.1	Tuyến đường Nguyễn Nhữ Lãm đi Làng Ngọc xã Lam Sơn	UBND xã Lam Sơn	Xã Lam Sơn	10.000	6.600	3.400		6.600	750	HPI-ND01
1.2	Mương tưới tiêu từ sứ đồng Quai Vạc thôn 8 đi bờ sông Chu	UBND xã Lam Sơn	Xã Lam Sơn	6.000	4.001	1.999		4.001	460	HPI-ND02
1.3	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường khu dân cư thôn Hữu Lễ 4 xã Lam Sơn	UBND xã Lam Sơn	Xã Lam Sơn	5.214	3.650	1.564		3.650	420	HPI-ND01
93	**Xã Xuân Lập**			**14.760**	**11.808**	**2.952**		**11.808**	**1.350**	
1.1	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ QL.47b đi Cống Nổ Đào; Tuyến từ QL47b đi thôn Thọ Tân, đi thôn Phong Mỹ	UBND xã Xuân Lập	Thôn Vinh Quang; thôn Thọ Tân; thôn Phong Mỹ, Xã Xuân Lập	8.760	7.008	1.752		7.008	800	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp tuyến mương tiêu từ Thọ Tân đi Phong Mỹ, đi thôn Thành Vinh	UBND xã Xuân Lập	Thôn Thọ Tân, thôn Phong Mỹ và khu vực kết nối thôn Thành Vinh, xã Xuân Lập	6.000	4.800	1.200		4.800	550	HPI-ND02

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
94	**Xã Triệu Sơn**			**23.750**	**14.251**	**9.499**		**14.251**	**1.700**	
1.1	Nâng cấp cải tạo đường giao thông Lê Dốc, xã Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá	UBND xã Triệu Sơn	Xã Triệu Sơn	12.000	7.201	4.799		7.201	830	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp cải tạo kênh tưới Đồng Chòi, xã Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá	UBND xã Triệu Sơn	Xã Triệu Sơn	6.500	3.900	2.600		3.900	450	HPI-ND02
1.3	Nâng cấp cải tạo kênh tưới Đồng Cưm, xã Triệu Sơn.	UBND xã Triệu Sơn	Xã Triệu Sơn	5.250	3.150	2.100		3.150	420	HPI-ND02
95	**Xã Tân Ninh**			**18.500**	**14.251**	**4.249**		**14.251**	**1.610**	
1.1	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ thôn Hoà Yên đi Mã Bản, xã Tân Ninh	UBND xã Tân Ninh	Xã Tân Ninh	13.000	10.000	3.000		10.000	1.100	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp cải tạo tuyến mương tưới từ kênh Nam đi đồng Cồn Chăn, thôn Hoà Yên, xã Tân Ninh	UBND xã Tân Ninh	Xã Tân Ninh	5.500	4.251	1.249		4.251	510	HPI-ND02
96	**Xã Đồng Tiến**			**23.000**	**14.251**	**8.749**		**14.251**	**1.500**	
1.1	Nâng cấp, cải tạo hệ thống kênh tiêu Thịnh Vượng kết hợp xây dựng đường giao thông dọc kênh xã Đồng Tiến	UBND xã Đồng Tiến	Xã Đồng Tiến	23.000	14.251	8.749		14.251	1.500	HPI-ND02
97	**Xã Tống Sơn**			**24.000**	**14.251**	**9.749**		**14.251**	**1.710**	
1.1	Cầu qua tràn hồ Vũng Dăm	UBND xã Tống Sơn	Thôn Bái Sậy	8.400	6.000	2.400		6.000	720	HPI-ND01
1.2	Đường giao thông nông thôn đi thôn Tiên Sơn	UBND xã Tống Sơn	Thôn Tiên Sơn	15.600	8.251	7.349		8.251	990	HPI-ND01
98	**Xã Hoạt Giang**			**21.200**	**14.251**	**6.949**		**14.251**	**1.770**	
1.1	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường từ Nhà văn hóa Vân Trụ đến giáp đường Thanh niên, xã Hoạt Giang	UBND xã Hoạt Giang	Xã Hoạt Giang	8.200	5.500	2.700		5.500	660	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, cải tạo, tuyến đường và cầu dân sinh kết nối Quốc lộ 1 đi khu Công nghiệp và các trường học trên địa bàn xã Hoạt Giang.	UBND xã Hoạt Giang	Xã Hoạt Giang	8.500	5.500	3.000		5.500	660	HPI-ND01
1.3	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thôn Ngọc Sơn (nay là thôn Trung Sơn), xã Hoạt Giang; Hạng mục: rãnh thoát nước.	UBND xã Hoạt Giang	Xã Hoạt Giang	4.500	3.251	1.249		3.251	450	HPI-ND01
99	**Xã Đông Thành**			**28.000**	**14.251**	**13.749**		**14.251**	**1.900**	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
1.1	Nâng cấp mở rộng đường kẹp mương từ tỉnh lộ 526 đi nhà văn hóa thôn Thành Đông (xã Thành Lộc cũ)	UBND xã Đông Thành	Xã Đông Thành	6.000	3.000	3.000		3.000	400	HPI-ND01
1.2	Tuyến đường kẹp mương từ nhà văn hóa thôn Thành Phú đi Mỹ Đồng	UBND xã Đông Thành	Xã Đông Thành	4.000	2.000	2.000		2.000	300	HPI-ND01
1.3	Nâng cấp tuyến đường từ đền Thiều đi Phong Lộc, xã Đông Thành	UBND xã Đông Thành	Xã Đông Thành	5.000	2.751	2.249		2.751	300	HPI-ND01
1.4	Tuyến đường nối từ đê Trung ương đi chùa Thiều, xã Đông Thành	UBND xã Đông Thành	Xã Đông Thành	2.000	1.000	1.000		1.000	150	HPI-ND01
1.5	Đường nối nhà văn hóa thôn Cầu Thôn đi nhà văn hóa thôn Cầu Tài	UBND xã Đông Thành	Xã Đông Thành	6.000	3.000	3.000		3.000	400	HPI-ND01
1.6	Kè kênh B3 đoạn từ UBND xã Đông Lộc cũ đi kênh Phương Chi	UBND xã Đông Thành	Xã Đông Thành	2.500	1.250	1.250		1.250	180	HPI-ND02
1.7	Nâng cấp, kiên cố hóa tuyến mương tiêu trạm bơm Kỳ Sơn, Phong Lộc cũ	UBND xã Đông Thành	Xã Đông Thành	2.500	1.250	1.250		1.250	170	HPI-ND02
100	**Xã Hoa Lộc**			**16.500**	**14.251**	**2.249**		**14.251**	**1.720**	
1.1	Nâng cấp tuyến đường giao thông nông thôn từ đường tỉnh lộ 526 đến Cầu Ông Vinh kênh 19/5	UBND xã Hoa Lộc	Thôn 1, Thôn 2, Thôn 3	6.000	5.300	700		5.300	640	HPI-ND01
1.2	Xây dựng tuyến đường phục vụ sản xuất từ Cầu dừa đến Đập trăng rào	UBND xã Hoa Lộc	Thôn Hoa Phú, Thôn Đông Phú	6.500	5.551	949		5.551	670	HPI-ND01
1.3	Xây dựng tuyến mương tưới tiêu phục vụ sản xuất từ đường 526B đi đến đầu làng thôn Phú Mỹ	UBND xã Hoa Lộc	Thôn Phú Mỹ	4.000	3.400	600		3.400	410	HPI-ND01
101	**Xã Vạn Lộc**			**20.000**	**17.000**	**3.000**		**17.000**	**2.040**	
1.1	Dự án: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông từ ngõ Lợi đê biển đi qua chùa Vích đến đê sông thôn Tân Lộc, xã Vạn Lộc	UBND xã Vạn Lộc	Xã Vạn Lộc	10.000	8.000	2.000		8.000	960	HPI-ND01
1.2	Dự án: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông, kết hợp hệ thống kênh mương từ đường 526 đến đường bộ ven biển thôn Đông Thành, xã Vạn Lộc	UBND xã Vạn Lộc	Xã Vạn Lộc	10.000	9.000	1.000		9.000	1.080	HPI-ND01
102	**Xã Nga Sơn**			**35.600**	**28.504**	**7.096**		**28.504**	**3.530**	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
1.1	Nâng cấp tuyến đường giao thông nội đồng từ thôn Trung Đoài đi thôn Mỹ Hưng xã Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Hạng mục: Nền mặt đường	Ban QLDA ĐTXD xã Nga Sơn	Thôn Trung Đoài, xã Nga Sơn	8.000	6.900	1.100		6.900	830	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp đường giao thông tuyến đường trục Đông - Tây thôn Bạch Hùng xã Nga Sơn; Hạng mục: Rãnh thoát nước	Ban QLDA ĐTXD xã Nga Sơn	Thôn Bạch Hùng, xã Nga Sơn	10.000	7.900	2.100		7.900	950	HPI-ND01
1.3	Nâng cấp đường giao thông từ Trạm bơm số 2 Nga Bạch đi tỉnh lộ 524, thôn Bạch Hùng, xã Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Ban QLDA ĐTXD xã Nga Sơn	Thôn Bạch Hùng, xã Nga Sơn	6.500	5.400	1.100		5.400	650	HPI-ND01
1.4	Nâng cấp tuyến Kênh mương nội đồng thôn Trung Đoài, Trung Đức xã Nga Sơn; Hạng mục: Xây mới tuyến kênh từ Đông trường Mầm non Nga Trung đi ao Ông Tuấn	Ban QLDA ĐTXD xã Nga Sơn	Thôn Trung Đoài, Trung Đức xã Nga Sơn	4.000	3.000	1.000		3.000	400	HPI-ND02
1.5	Nâng cấp tuyến Kênh mương nội đồng thôn Trung Đoài, xã Nga Sơn; Hạng mục: Xây mới tuyến kênh từ trường THPT Nga Sơn đi Trạm bơm số 3	Ban QLDA ĐTXD xã Nga Sơn	Thôn Trung Đoài, xã Nga Sơn	2.800	2.000	800		2.000	270	HPI-ND02
1.6	Nâng cấp tuyến Kênh mương nội đồng thôn Trung Bắc, xã Nga Sơn; Hạng mục: Xây mới tuyến kênh từ Láng Nhến đi ao ông Phát	Ban QLDA ĐTXD xã Nga Sơn	Thôn Trung Bắc, xã Nga Sơn	4.300	3.304	996		3.304	430	HPI-ND02
103	**Xã Nga Thắng**			**26.000**	**14.251**	**11.749**		**14.251**	**1.930**	
1.1	Bê tông hóa đường phục vụ sản xuất (Đồng Dọng) thôn Vân Hoàn	UBND xã Nga Thắng	Thôn Vân Hoàn	6.000	4.100	1.900		4.100	500	HPI-ND01
1.2	Bê tông hóa đường phục vụ sản xuất từ tỉnh lộ 524 đi kênh Sao Sa thôn Vy Mỹ	UBND xã Nga Thắng	Thôn Vy Mỹ	4.000	2.000	2.000		2.000	300	HPI-ND01
1.3	Cải tạo, nâng cấp kênh từ trạm bơm Nga Thắng đi UBMTTQ xã đi kênh Khiếu Hữu Kiều	UBND xã Nga Thắng	Thôn Thượng, Thôn Giáp, thôn Xa Liễn	6.000	3.200	2.800		3.200	430	HPI-ND02
1.4	Cải tạo, nâng cấp kênh từ tỉnh lộ 524 đi trang trại Nga lĩnh	UBND xã Nga Thắng	Thôn Hội Kê, Thôn Giải Uấn, thôn Đồng Đội	6.000	2.951	3.049		2.951	400	HPI-ND02

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
1.5	Cải tạo, nâng cấp kênh từ sau ông Viễn đi kênh Sao Sa	UBND xã Nga Thắng	Thôn Đông Thành	4.000	2.000	2.000		2.000	300	HPI-ND02
104	**Xã Hồ Vương**			**16.800**	**14.251**	**2.549**		**14.251**	**1.840**	
1.1	Xây dựng tuyến đường giao thông và kênh tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp đoạn từ đường Hồ Vương đi Chân Thông, xã Hồ Vương, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Hồ Vương	Xã Hồ Vương	7.000	5.600	1.400		5.600	680	HPI-ND01
1.2	Xây dựng tuyến đường giao thông phục vụ dân sinh và sản xuất nông nghiệp đoạn từ Ngõ Ông Tuyên đi Sông Quán, xã Hồ Vương, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Hồ Vương	Xã Hồ Vương	2.400	2.120	280		2.120	280	HPI-ND01
1.3	Xây dựng tuyến đường giao thông nội đồng đoạn từ Cửa chùa Bạch Tượng đi Trạm bơm số 2, xã Hồ Vương, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Hồ Vương	Xã Hồ Vương	2.500	2.200	300		2.200	300	HPI-ND01
1.4	Xây dựng tuyến kênh tưới nội đồng thôn Ngoại 1, xã Hồ Vương, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Hồ Vương	Xã Hồ Vương	2.400	2.131	269		2.131	280	HPI-ND02
1.5	Xây dựng tuyến kênh tưới nội đồng thôn Nội 1, xã Hồ Vương, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Hồ Vương	Xã Hồ Vương	2.500	2.200	300		2.200	300	HPI-ND02
105	**Xã Tân Tiến**			**36.500**	**28.504**	**7.996**		**28.504**	**3.310**	
1.1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ đường trục xã Tân Tiến đi đê Ngự Hàm III (Đạn từ nhà ông Viết đi đê Ngự Hàm III) xã Tân Tiến tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Tân Tiến	Thôn 7	6.000	4.704	1.296		4.704	570	HPI-ND01
1.2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông đoạn từ nhà ông Tự đi đường sông Ngang xã Tân Tiến tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Tân Tiến	Thôn 3	5.000	4.000	1.000		4.000	480	HPI-ND01
1.3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông kết nối giữa đường đi cống Trường Sơn và đường đi cống Bộ Đội (Đoạn từ nhà bà Hoa đi cống Bộ Đội) xã Tân Tiến tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Tân Tiến	Thôn 5	2.500	2.000	500		2.000	300	HPI-ND01

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
1.4	Xây dựng mới kênh tiêu sông 10 Nga Tiến xã Tân Tiến tỉnh Thanh Hóa; Hạng mục: Kênh xây từ nhà ông Điền đến nhà ông Trang thôn 6	UBND xã Tân Tiến	Thôn 6	8.000	6.300	1.700		6.300	760	HPI-ND02
1.5	Xây dựng mới kênh tiêu sông 10 Nga Tân xã Tân Tiến tỉnh Thanh Hóa; Hạng mục: Kênh xây từ sông Tân Hưng đến sông Hưng Long	UBND xã Tân Tiến	Thôn 8, Thôn 9, Thôn 10	15.000	11.500	3.500		11.500	1.200	HPI-ND02
106	**Xã Ba Đình**			**10.000**	**7.500**	**2.500**		**7.500**	**900**	
1.1	Dự án: Sửa chữa nâng cấp tuyến Kênh B3 xã Ba Đình	UBND xã Ba Đình	Xã Ba Đình	10.000	7.500	2.500		7.500	900	HPI-ND02
107	**Xã Quảng Ngọc**			**18.830**	**14.251**	**4.579**		**14.251**	**1.710**	
1.1	Đầu tư nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ thôn Tam Uy đi thôn Thắng Phú xã Quảng Ngọc, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Quảng Ngọc	Thôn Tam Uy, xã Quảng Ngọc	9.400	7.520	1.880		7.520	900	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp tuyến đường giao thông từ ngã tư Anh Phương thôn Ngọc Bình đi đê Sát Trước thôn Ngọc Đới xã Quảng Ngọc, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Quảng Ngọc	Thôn Ngọc Bình, xã Quảng Ngọc	9.430	6.731	2.699		6.731	810	HPI-ND01
108	**Xã Quảng Chính**			**16.500**	**12.000**	**3.300**	**1.200**	**12.000**	**1.440**	
1.1	Cải tạo, nâng cấp mặt đường, rãnh thoát nước tuyến đường Ngã ba Bưu điện - ngã tư ông Trị thôn Kỳ Khôi (nay thôn Nga Khê)	UBND xã Quảng Chính	Xã Quảng Chính	8.500	6.000	1.700	800	6.000	720	HPI-ND01
1.2	Xây mới hệ thống Kênh mương nội đồng thôn Phú Cường (nay là thôn Hòa Trường)	UBND xã Quảng Chính	Xã Quảng Chính	8.000	6.000	1.600	400	6.000	720	HPI-ND02
109	**Xã Thắng Lợi**			**12.000**	**9.600**	**2.400**		**9.600**	**1.160**	
1.1	Nâng cấp, cải tạo Mương cấp 3, xã Thắng Lợi	UBND Xã Thắng Lợi	Thôn Côn Sơn, Yên Quả 1, Yên Quả 2	7.000	5.600	1.400		5.600	680	HPI-ND02
1.2	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông nông thôn thôn Đại Hưng Hưng, xã Thắng Lợi	UBND Xã Thắng Lợi	Thôn Đại Hưng	5.000	4.000	1.000		4.000	480	HPI-ND01
110	**Xã Trường Văn**			**26.000**	**14.251**	**10.449**	**1.300**	**14.251**	**1.720**	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
1.1	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường giao thông từ ngã ba Cồn Đá đi Cổng chào Trường Giang xã Trường Văn, tỉnh Thanh hóa	UBND xã Trường Văn	xã Trường Văn	13.500	7.130	5.695	675	7.130	860	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, cải tạo tuyến kênh tưới, tiêu nội đồng đoạn từ Chi giang 8 đi đê tả Thị Long xã Trường Văn	UBND xã Trường Văn	Xã Trường Văn	12.500	7.121	4.754	625	7.121	860	HPI-ND02
111	**Xã Thăng Bình**			**20.000**	**14.251**	**5.749**		**14.251**	**1.500**	
1.1	Đường giao thông từ khu dân cư Ốc thôn đi Ngư thôn Đại Bản, xã Thăng Bình, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Thăng Bình	Xã Thăng Bình	20.000	14.251	5.749		14.251	1.500	HPI-ND01
112	**Xã Tượng Lĩnh**			**15.500**	**10.850**	**4.650**		**10.850**	**1.310**	
1.1	Nâng cấp đường giao thông Kén đi Bòng Sơn	UBND xã Tượng Lĩnh	Xã Tượng Lĩnh	10.000	7.000	3.000		7.000	840	HPI-ND01
1.2	Kênh mương tưới tiêu từ ông Hùng Nghệ đi Kênh Đầm Trối thôn Nga Long xã Tượng Lĩnh	UBND xã Tượng Lĩnh	Xã Tượng Lĩnh	5.500	3.850	1.650		3.850	470	HPI-ND02
113	**Xã Thiệu Tiến**			**36.500**	**14.251**	**22.249**		**14.251**	**1.720**	
1.1	Dự án nâng cấp cải tạo đường từ nhà văn hóa thôn Thành Thượng đi thôn Thành Sơn và đường tỉnh lộ 506B	UBND xã Thiệu Tiến	Thôn Thiệu Thành, Lam Vỹ	17.000	6.500	10.500		6.500	780	HPI-ND01
1.2	Dự án nâng cấp, cải tạo đường qua trụ sở Đảng ủy xã từ kênh Nam đi đê tả sông Chu	UBND xã Thiệu Tiến	Thôn Quan Trung	9.500	3.800	5.700		3.800	460	HPI-ND01
1.3	Nâng cấp, cải tạo đường từ ngã ba Tân Bình đi nhà văn hóa thôn Chẩn Xuyên	UBND xã Thiệu Tiến	Thôn Tân Bình, Chẩn Xuyên	10.000	3.951	6.049		3.951	480	HPI-ND01
114	**Xã Thiệu Toán**			**22.100**	**14.251**	**7.849**		**14.251**	**1.690**	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
1.1	Nâng cấp, cải tạo Kênh tưới khu đồng Máng Ông Phòng và khu đồng Dân Vượng, xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Thiệu Toán	Thôn Toán Ty, thôn Dân Chính và thôn Dân Vượng, xã Thiệu Toán	2.500	1.700	800		1.700	250	HPI-ND02
1.2	Nâng cấp, cải tạo cầu Thái Ninh Thái Bình, xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Thiệu Toán	Thôn Thái Ninh, xã Thiệu Toán	14.000	9.000	5.000		9.000	1.000	HPI-ND01
1.3	Nâng cấp, sửa chữa Mương tưới Thôn Đồng Tiến xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Thiệu Toán	Thôn Đồng Tiến, xã Thiệu Toán	5.600	3.551	2.049		3.551	440	HPI-ND02
115	**Xã Thiệu Trung**			**26.900**	**14.251**	**12.649**		**14.251**	**1.850**	
1.1	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ đường tỉnh lộ 515B đi thôn 4, xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Thiệu Trung	Thôn 4, xã Thiệu Lý cũ	6.200	3.750	2.450		3.750	450	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, cải tạo Kênh tiêu khu đồng Thiệu Lý cũ xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Thiệu Trung	Thôn 2 xã Thiệu Lý cũ nay là xã Thiệu Trung	2.700	1.800	900		1.800	260	HPI-ND02
1.3	Nâng cấp, cải tạo kênh tưới thôn 2, thôn 4 (xã Thiệu Lý cũ), xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Thiệu Trung	Xã Thiệu Lý cũ	2.500	1.700	800		1.700	250	HPI-ND02
1.4	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông nông thôn từ đường tỉnh lộ 515 đi khu phố Ba Chè, xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Thiệu Trung	Khu phố Ba Chè	13.000	5.301	7.699		5.301	640	HPI-ND01
1.5	Nâng cấp, cải tạo kênh tưới Thôn 1, thôn 2, thôn 3 (xã Thiệu Viên cũ), xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Thiệu Trung	Xã Thiệu Viên cũ	2.500	1.700	800		1.700	250	HPI-ND02
116	**Xã Yên Trường**			**22.000**	**14.251**	**7.749**		**14.251**	**1.710**	
1.1	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ đường tỉnh lộ 518 đi thôn Yên Trung 2, xã Yên Trung	UBND xã Yên Trường	Xã Yên Trường	10.000	7.251	2.749		7.251	870	HPI-ND01

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
1.2	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thôn Tân Phong, xã Yên Trường	UBND xã Yên Trường	Xã Yên Trường	12.000	7.000	5.000		7.000	840	HPI-ND01
117	**Xã Yên Phú**			**30.000**	**14.251**	**15.749**		**14.251**	**1.720**	
1.1	Đầu tư nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã từ thôn Xuân Trường đi thôn Mỹ Quan, xã Yên Phú	UBND xã Yên Phú	Thôn Xuân Trường - xã Yên Phú	15.000	7.130	7.870		7.130	860	HPI-ND01
1.2	Đầu tư nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã từ thôn Trịnh Lộc, xã Yên Phú đi thôn 3, xã Yên Trường	UBND xã Yên Phú	Xã Yên Phú, xã Yên Trường	15.000	7.121	7.879		7.121	860	HPI-ND01
118	**Xã Định Hòa**			**28.500**	**14.251**	**14.249**		**14.251**	**1.920**	
1.1	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ TL516C mới qua trụ sở UBND xã Định Hòa đi đê sông Cầu Chày	UBND xã Định Hòa	Xã Định Hòa	28.500	14.251	14.249		14.251	1.920	HPI-ND01
119	**Xã Thọ Lập**			**24.500**	**14.251**	**10.249**		**14.251**	**2.130**	
1.1	Đường giao thông đoạn nối tuyến 506B đến 506D xã Thọ Lập, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Thọ Lập	Xã Thọ Lập	24.500	14.251	10.249		14.251	2.130	HPI-ND01
120	**Xã Xuân Tín**			**5.000**	**4.000**	**1.000**		**4.000**	**480**	
1.1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Cổng chào Phủ Lịch đến điểm giao đường nối cầu nha – Xuân Lập.	UBND xã Xuân Tín	Thôn 5	5.000	4.000	1.000		4.000	480	HPI-ND01
121	**Xã Vĩnh Lộc**			**22.300**	**14.251**	**8.049**		**14.251**	**1.620**	
1.1	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ TL.522 đi thôn 7	UBND xã Vĩnh Lộc	Xã Vĩnh Lộc	7.300	4.751	2.549		4.751	570	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ khu phố Thành Nhân đi khu phố Cao Mật	UBND xã Vĩnh Lộc	Khu phố Thành Nhân, Cao Mật, Nhân Lộ	15.000	9.500	5.500		9.500	1.050	HPI-ND01
122	**Xã Tây Đô**			**18.900**	**14.251**	**4.649**		**14.251**	**1.872**	
1.1	Cải tạo, nâng cấp hoàn thiện đường giao thông Mổ Lội, xã Tây Đô, tỉnh Thanh Hoá	UBND xã Tây Đô	Thôn Tiến Ích 2, xã Tây Đô	5.000	3.700	1.300		3.700	460	HPI-ND01
1.2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Quan Nhân, xã Tây Đô	UBND xã Tây Đô	Thôn Quan Nhân, xã Tây Đô	5.000	3.811	1.189		3.811	500	HPI-ND01

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
1.3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ đền Tam Tổng đi đê sông Mã, xã Tây Đô, tỉnh Thanh Hoá	UBND xã Tây Đô	Thôn Phố Mới, thôn Thổ Phụ, xã Tây Đô	5.100	3.700	1.400		3.700	500	HPI-ND01
1.4	Cải tạo, nâng cấp tuyến mương từ thôn Tiến Ích 2 đến thôn Cẩm Hoàng 2	UBND xã Tây Đô	Thôn Tiến Ích 2, thôn Cẩm Hoàng, xã Tây Đô	3.800	3.040	760		3.040	412	HPI-ND02
123	**Xã Biện Thượng**			**26.662**	**14.251**	**12.411**		**14.251**	**1.790**	
1.1	Đường từ điểm trường Mầm non Vĩnh Hùng đến nhà văn hoá thôn Đồng Mực kết nối với tuyến đường đi xã Ngọc Trạo	UBND xã Biện Thượng	Thôn Đồng Mực, xã Biện Thượng	6.856	4.200	2.656		4.200	550	HPI-ND01
1.2	Tuyến đường từ ngã ba đi nhà văn hoá Xóm Mới đến nhà ông Vũ Văn Sỹ, xã Biện Thượng	UBND xã Biện Thượng	Thôn Việt Yên, xã Biện Thượng	6.226	4.051	2.175		4.051	520	HPI-ND01
1.3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông từ thôn Đoài đi thôn Trung, xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hoá	UBND xã Biện Thượng	Thôn Đoài, Thôn Trung, xã Biện Thượng	13.580	6.000	7.580		6.000	720	HPI-ND01
124	**Xã Thọ Ngọc**			**21.000**	**14.251**	**6.749**		**14.251**	**1.860**	
1.1	Mở rộng nâng cấp đường giao thông thôn Xuân Thọ đi thôn Thọ Cường đến UBND xã Thọ Ngọc (Giai đoạn 1).	UBND xã Thọ Ngọc	Xã Thọ Ngọc	21.000	14.251	6.749		14.251	1.860	HPI-ND01
125	**Xã Thọ Phú**			**20.492**	**14.251**	**6.241**		**14.251**	**1.980**	
1.1	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ QL.47 đi nhà ông Giáp, thôn Kích Tiến, xã Thọ Phú	UBND xã Thọ Phú	Thôn Kích Tiến, xã Thọ Phú	3.950	2.750	1.200		2.750	400	HPI-ND01
1.2	Xây dựng cầu Đại Vàng qua Sông Nhơm, xã Thọ Phú	UBND xã Thọ Phú	Thôn Đại Vàng, xã Thọ Phú	6.800	4.700	2.100		4.700	600	HPI-ND01
1.3	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường giao thông thôn Dưỡng Thượng, xã Thọ Phú	UBND xã Thọ Phú	thôn Dưỡng Thượng, xã Thọ Phú	2.792	1.951	841		1.951	280	HPI-ND01
1.4	Nâng cấp kênh tưới C5/6 thôn Quan Thành, xã Thọ Phú	UBND xã Thọ Phú	Thôn Quan Thành, xã Thọ Phú	3.950	2.750	1.200		2.750	400	HPI-ND02

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
1.5	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường nối ĐT.515C đi đường xã ĐX 05, thôn Hoành Suối, xã Thọ Phú	UBND xã Thọ Phú	Thôn Hoành Suối, xã Thọ Phú	3.000	2.100	900		2.100	300	HPI-ND01
126	**Xã Hợp Tiến**			**17.300**	**14.251**	**3.049**		**14.251**	**1.800**	
1.1	Nâng cấp, cải tạo Đường liên Thôn Tân Thắng 1 - Tân Thắng 2 đi thôn Tâm Tiến, xã Hợp Tiến, tỉnh Thanh Hóa.	UBND xã Hợp Tiến	Xã Hợp Tiến	5.800	4.800	1.000		4.800	600	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, cải tạo Đường liên thôn Trung Thành - Châu Cương đi đường tỉnh TL.514 và quốc lộ 47B.	UBND xã Hợp Tiến	Xã Hợp Tiến	5.800	4.800	1.000		4.800	600	HPI-ND01
1.3	Nâng cấp, cải tạo Đường trục chính thôn Đông Thành - thôn Liên Châu.	UBND xã Hợp Tiến	Xã Hợp Tiến	5.700	4.651	1.049		4.651	600	HPI-ND01
127	**Xã An Nông**			**19.000**	**14.251**	**4.749**		**14.251**	**2.181**	
1.1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Cầu Ái Liên đến đường Nghi Sơn - Sao Vàng	UBND xã An Nông	Xã An Nông	2.500	1.876	624		1.876	280	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ hộ ông Thắm đến đê sông Hoàng	UBND xã An Nông	Xã An Nông	7.700	5.775	1.925		5.775	700	HPI-ND01
1.3	Nâng cấp mương tưới kết hợp tiêu nước từ thôn Hoà Triều đến thôn Nga Nha, xã An Nông, tỉnh Thanh Hoá	UBND xã An Nông	Thôn Hoà Triều, thôn Nga Nha, xã An Nông	8.800	6.600	2.200		6.600	1.201	HPI-ND02

Phụ lục số III: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2026 CỦA CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026-2035, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030 TỈNH THANH HÓA (HỢP PHẦN THỨ HAI)

(Kèm theo Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 10 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính:Triệu đồng

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
I	**TỔNG**			**902.510**	**893.300**	**9.210**		**893.300**	**161.237**	
1	**Xã Mường Lát**			**16.634**	**16.634**			**16.634**	**3.000**	
1.1	Đầu tư, nâng cấp nhà tưởng niệm Bác Hồ và Đoàn quân Tây Tiến và các hạng mục phục trợ, xã Mường Lát	UBND xã Mường Lát	Xã Mường Lát	8.634	8.634			8.634	1.600	HPII-ND4
1.2	Đường khu vực biên giới phục vụ dân sinh gắn với bảo đảm an ninh, quốc phòng từ QL15C đi cầu treo thôn Piềng Mòn (cũ)	UBND xã Mường Lát	Xã Mường Lát	8.000	8.000			8.000	1.400	HPII-ND7
2	**Xã Nhi Sơn**			**24.000**	**24.000**			**24.000**	**4.400**	
1.1	Cải tạo, sửa chữa Trường PT DTBT tiểu học Nhi Sơn (điểm trường Lốc Há), xã Nhi Sơn	UBND xã Nhi Sơn	Bản Lốc Há, xã Nhi Sơn	3.000	3.000			3.000	500	HPII-ND1
1.2	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá bản Tén Chè, xã Nhi Sơn	UBND xã Nhi Sơn	Bản Tén Chè, xã Nhi Sơn	2.000	2.000			2.000	400	HPII-ND4
1.3	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hoá bản Bản Chim, xã Nhi Sơn	UBND xã Nhi Sơn	Bản Chim, xã Nhi Sơn	2.000	2.000			2.000	400	HPII-ND4
1.4	Kè chống sạt lở bảo vệ khu vực trung tâm văn hoá xã Nhi Sơn	UBND xã Nhi Sơn	Xã Nhi Sơn	2.000	2.000			2.000	400	HPII-ND6
1.5	Kè chống sạt lở bảo vệ khu dân cư thuộc bản Chim, xã Nhi Sơn	UBND xã Nhi Sơn	Bản Chim, xã Nhi Sơn	15.000	15.000			15.000	2.700	HPII-ND6
3	**Xã Pù Nhi**			**20.204**	**20.204**			**20.204**	**3.800**	
1.1	Nâng cấp trường mầm non Pù Nhi (điểm trường Pha Đén), xã Pù Nhi	UBND xã Pù Nhi	Bản Pha Đén, xã Pù Nhi	2.500	2.500			2.500	500	HPII-ND1
1.2	Nâng cấp trường mầm non Pù Nhi (điểm trường Cá Nọi), xã Pù Nhi	UBND xã Pù Nhi	Bản Cá Nọi, Xã Pù Nhi	4.204	4.204			4.204	800	HPII-ND1
1.3	Sửa chữa nhà văn hoá Bản Pha Đén, xã Pù Nhi	UBND xã Pù Nhi	Bản Pha Đén, xã Pù Nhi	1.500	1.500			1.500	300	HPII-ND4

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
1.4	Đường khu vực biên giới phục vụ dân sinh gắn với an ninh quốc phòng từ bản Na Tao đi bản Đông Ban, xã Pù Nhi - Giai đoạn 1: Nâng cấp, mở rộng đường Na Tao đi vào tổ 3 Bản Na Tao, xã Pù Nhi	UBND xã Pù Nhi	Bản Na Tao, bản Đông Ban, xã Pù Nhi	12.000	12.000			12.000	2.200	HPII-ND7
4	**Xã Mường Chanh**			**15.200**	**15.200**			**15.200**	**2.800**	
1.1	Kè chống sạt lở bảo vệ trạm y tế xã Mường Chanh	UBND xã Mường Chanh	Xã Mường Chanh	2.000	2.000			2.000	400	HPII-ND6
1.2	Kè chống sạt lở bảo vệ khu dân cư bản Nà Ban, xã Mường Chanh	UBND xã Mường Chanh	Bản Nà Ban Xã Mường Chanh	13.200	13.200			13.200	2.400	HPII-ND6
5	**Xã Quang Chiểu**			**25.574**	**25.574**			**25.574**	**4.700**	
1.1	Nâng cấp, sửa chữa trường Mầm Non xã Quang Chiểu (khu lẻ Pù Đứa) và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Quang Chiểu	Khu Pù Đứa	1.500	1.500			1.500	300	HPII-ND1
1.2	Nâng cấp sửa chữa trường Mầm Non xã Quang Chiểu (khu lẻ Con Dao) và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Quang Chiểu	Bản Con Dao	1.200	1.200			1.200	200	HPII-ND1
1.3	Nâng cấp sửa chữa trường Mầm Non xã Quang Chiểu (khu lẻ Cúm) và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Quang Chiểu	Khu Cúm	1.200	1.200			1.200	200	HPII-ND1
1.4	Nâng cấp sửa chữa trường Mầm Non xã Quang Chiểu (khu lẻ Pọng) và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Quang Chiểu	Khu Pọng	2.100	2.100			2.100	400	HPII-ND1
1.5	Bảo tồn bản văn hoá truyền thống bản Pùng, xã Quang Chiểu	UBND xã Quang Chiểu	Bản Pùng	6.500	6.500			6.500	1.200	HPII-ND4
1.6	Kè chống sạt lở bảo tồn Bản văn hoá truyền thống bản Suối Tút, xã Quang Chiểu	UBND xã Quang Chiểu	Bản Suối Tút	3.074	3.074			3.074	600	HPII-ND6
1.7	Đường khu vực biên giới phục vụ dân sinh gắn với bảo đảm an ninh, quốc phòng thôn Suối Tút, xã Quang Chiểu	UBND xã Quang Chiểu	Thôn Suối Tút	10.000	10.000			10.000	1.800	HPII-ND7
6	**Xã Tam Chung**			**17.812**	**17.812**			**17.812**	**3.100**	
1.1	Kè chống sạt lở và xây mới cổng tường rào Trường tiểu học Tam Chung (điểm trường Ón), xã Tam Chung	UBND xã Tam Chung	Bản Ón, xã Tam Chung	3.000	3.000			3.000	500	HPII-ND6

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
1.2	Kè chống sạt lở và xây mới cổng, tường rào Trường tiểu học Tam Chung (điểm trường Cân - Tân Hương), xã Tam Chung	UBND xã Tam Chung	Bản Tân Hương, xã Tam Chung	3.000	3.000			3.000	500	HPII-ND6
1.3	Trường tiểu học Tam Chung (điểm trường Pọong), xã Tam Chung. Hạng mục: Xây dựng khuôn viên trường; cổng, tường rào và sửa chữa các hạng mục phụ trợ	UBND xã Tam Chung	Bản Pọong, xã Tam Chung	1.800	1.800			1.800	300	HPII-ND1
1.4	Xây dựng sân phục vụ văn hoá, thể thao Bản Suối Lóng, xã Tam Chung	UBND xã Tam Chung	Bản Pom Khuông, xã Tam Chung	5.012	5.012			5.012	900	HPII-ND4
1.5	Xây dựng sân phục vụ văn hoá, thể thao Bản Cân, xã Tam Chung	UBND xã Tam Chung	Bản Cân, xã Tam Chung	5.000	5.000			5.000	900	HPII-ND4
7	**Xã Mường Lý**			**19.764**	**19.764**			**19.764**	**3.500**	
1.1	Nâng cấp cải tạo Điểm Trường Mầm non bản Muống (Muống 1 cũ), xã Mường Lý	UBND xã Mường Lý	Bản Muống, xã Mường Lý	2.300	2.300			2.300	400	HPII-ND1
1.2	Nâng cấp cải tạo Điểm Trường Mầm non bản Chiềng Nưa (Chà Lan cũ), xã Mường Lý	UBND xã Mường Lý	Bản Chiềng Nưa, xã Mường Lý	2.300	2.300			2.300	400	HPII-ND1
1.3	Nâng cấp cải tạo Điểm Trường Tiểu học bản Muống (Muống 1 cũ), xã Mường Lý	UBND xã Mường Lý	Bản Muống, xã Mường Lý	2.964	2.964			2.964	500	HPII-ND1
1.4	Nâng cấp, mở rộng Điểm Trường Mầm non bản Chiềng Nưa (Chiềng Nưa cũ), xã Mường Lý	UBND xã Mường Lý	Bản Chiềng Nưa, xã Mường Lý	5.800	5.800			5.800	1.000	HPII-ND1
1.5	Nâng cấp, mở rộng Điểm Trường Mầm non bản Sài Khao, xã Mường Lý	UBND xã Mường Lý	Bản Sài Khao, xã Mường Lý	6.400	6.400			6.400	1.200	HPII-ND1
8	**Xã Quan Sơn**			**14.652**	**14.284**	**368**		**14.284**	**2.600**	
1.1	Trường THCS DTNT Quan Sơn, xã Quan Sơn. Hạng mục: Xây mới nhà hiệu bộ, bếp ăn bán trú và hạng mục phụ trợ	UBND xã Quan Sơn	Xã Quan Sơn	7.368	7.000	368		7.000	1.300	HPII-ND1
1.2	Trường Mầm non Sơn Lư (điểm trường Tân Thành), xã Quan Sơn. Hạng mục: Xây mới nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Quan Sơn	Bản Tân Thành, xã Quan Sơn	7.284	7.284			7.284	1.300	HPII-ND1

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
9	**Xã Trung Hạ**			**23.335**	**23.335**			**23.335**	**4.200**	
1.1	Trường Mầm non Trung Hạ (Khu Lang), xã Trung Hạ. Hạng mục: Xây mới nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Trung Hạ	Xã Trung Hạ	7.500	7.500			7.500	1.400	HPII-ND1
1.2	Kè chống sạt lở và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Trung Tiến, xã Trung Hạ	UBND xã Trung Hạ	Xã Trung Hạ	11.835	11.835			11.835	2.100	HPII-ND6
1.3	Kè chống sạt lở bảo vệ Trường THCS Trung Tiến, xã Trung Hạ	UBND xã Trung Hạ	Xã Trung Hạ	4.000	4.000			4.000	700	HPII-ND6
10	**Xã Na Mèo**			**19.434**	**19.434**			**19.434**	**3.450**	
1.1	Cải tạo sửa chữa nhà văn hóa, khu thể thao bản Na Mèo, xã Na Mèo	UBND xã Na Mèo	Bản Na Mèo, xã Na Mèo	4.000	4.000			4.000	700	HPII-ND4
1.2	Nhà văn hóa bản Son, xã Na Mèo. Hạng mục: Xây dựng các hạng mục phụ trợ	UBND xã Na Mèo	Bản Son, xã Na Mèo	2.434	2.434			2.434	450	HPII-ND4
1.3	Kè chống sạt lở đường Tuần tra biên giới từ QL 217 đi Cha Khót, đoạn qua bản Xộp Huối (bản Na Pọng cũ) xã Na Mèo.	UBND xã Na Mèo	Bản Xộp Huối, xã Na Mèo	13.000	13.000			13.000	2.300	HPII-ND6
11	**Xã Tam Lư**			**18.494**	**18.494**			**18.494**	**3.137**	
1.1	Kè chống sạt lở bờ sông Lò bảo vệ Trường Phổ thông Dân tộc nội trú liên cấp Tiểu học và THCS bản Hậu và khu dân cư lân cận, xã Tam lư	UBND xã Tam Lư	Bản Hậu, xã Tam Lư	18.494	18.494			18.494	3.137	HPII-ND6
12	**Xã Tam Thanh**			**14.464**	**14.464**			**14.464**	**2.600**	
1.1	Kè chống sạt lở bảo vệ khu dân cư bản Thanh Lâm và các hạng mục phụ trợ, xã Tam Thanh	UBND xã Tam Thanh	Thôn Thanh Lâm, Xã Tam Thanh	8.664	8.664			8.664	1.600	HPII-ND6
1.2	Cải tạo, sửa chữa các vị trí hư hỏng mặt đường và xây dựng kè chống sạt lở do thiên tai trên tuyến đường tuần tra biên giới từ trung tâm xã đến cột mốc H5 (giáp nước CHDCND Lào).	UBND xã Tam Thanh	Xã Tam Thanh	5.800	5.800			5.800	1.000	HPII-ND7
13	**Xã Sơn Điện**			**15.300**	**15.300**			**15.300**	**2.800**	
1.1	Trường mầm non Sơn Điện 1 (Khu Xuân Sơn), xã Sơn Điện. Hạng mục: Xây mới nhà lớp học, nhà bếp ăn và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Sơn Điện	Bản Xuân Sơn, Xã Sơn Điện	3.300	3.300			3.300	600	HPII-ND1

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
1.2	Kè chống sạt lở bảo vệ khu dân cư bản Xuân Sơn, xã Sơn Điện	UBND xã Sơn Điện	Bản Xuân Sơn, Xã Sơn Điện	12.000	12.000			12.000	2.200	HPII-ND6
14	**Xã Mường Mìn**			**18.352**	**18.352**			**18.352**	**3.300**	
1.1	Xây dựng hạng mục phụ trợ Trường mầm non Mương Mìn, xã Mường Mìn	UBND xã Mương Mìn	Bản Luốc Làu, xã Mường Mìn	3.761	3.761			3.761	700	HPII-ND1
1.2	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa bản Bơn và các hạng mục phụ trợ, xã Mường Mìn	UBND xã Mương Mìn	Bản Bơn, xã Mường Mìn	2.238	2.238			2.238	400	HPII-ND4
1.3	Xây dựng kè chống sạt lở bảo vệ khu dân cư Pom Dụng, xã Mường Mìn	UBND xã Mương Mìn	Xã Mường Mìn	12.353	12.353			12.353	2.200	HPII-ND6
15	**Xã Sơn Thủy**			**20.174**	**20.174**			**20.174**	**3.600**	
1.1	Trường Mầm non Sơn Thuỷ (Khu Khà), xã Sơn Thuỷ	UBND xã Sơn Thủy	Xã Sơn Thủy	3.000	3.000			3.000	500	HPII-ND1
1.2	Dư án bảo tồn và phát huy giá trị Di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia - lễ hội Mường Xia, xã Sơn Thủy	UBND xã Sơn Thủy	Xã Sơn Thủy	17.174	17.174			17.174	3.100	HPII-ND4
16	**Xá Hồi Xuân**			**17.600**	**17.600**			**17.600**	**3.100**	
1.1	Nâng cấp Trường THCS Hồi Xuân, xã Hồi Xuân	UBND xã Hồi Xuân	Xã Hồi Xuân	10.000	10.000			10.000	1.800	HPII-ND1
1.2	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mầm non xã Hồi Xuân	UBND xã Hồi Xuân	Xã Hồi Xuân	4.000	4.000			4.000	700	HPII-ND1
1.3	Nâng cấp Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Quan Hóa, xã Hồi Xuân	UBND xã Hồi Xuân	Xã Hồi Xuân	3.600	3.600			3.600	600	HPII-ND1
17	**Xã Phú Xuân**			**15.104**	**15.104**			**15.104**	**2.700**	
1.1	Trường Tiểu học Thanh Xuân (điểm trường Giá), xã Phú Xuân. Hạng mục: Xây mới nhà lớp học, nhà công vụ giáo viên, bếp ăn và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Phú Xuân	Bản Giá, xã Phú Xuân	3.000	3.000			3.000	500	HPII-ND1
1.2	Trường Tiểu học Thanh Xuân (điểm trường bản Vui), xã Phú Xuân. Hạng mục: Xây mới nhà lớp học, nhà ở giáo viên,bếp ăn và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Phú Xuân	Bản Vui, xã Phú Xuân	3.000	3.000			3.000	500	HPII-ND1
1.3	Sửa chữa, cải tạo trường tiểu học Thanh Xuân, xã Phú Xuân	UBND xã Phú Xuân	Bản Thanh Xuân, xã Phú Xuân	2.000	2.000			2.000	400	HPII-ND1

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
1.4	Kè chống sạt lở bảo vệ khu dân cư bản Giá, xã Phú Xuân	UBND xã Phú Xuân	Bản Giá, xã Phú Xuân	7.104	7.104			7.104	1.300	HPII-ND6
18	**Xã Nam Xuân**			**16.344**	**16.344**			**16.344**	**3.000**	
1.1	Sửa chữa, cải tạo trường Trung học cơ sở Nam Xuân, xã Nam Xuân	UBND xã Nam Xuân	Xã Nam Xuân	6.000	6.000			6.000	1.100	HPII-ND1
1.2	Kè chống sạt lở bờ sông Luồng, đoạn qua khu dân cư bản Phố Mới, xã Nam Xuân	UBND xã Nam Xuân	Bản Phố Mới, xã Nam Xuân	10.344	10.344			10.344	1.900	HPII-ND6
19	**Xã Trung Thành**			**21.285**	**21.285**			**21.285**	**3.900**	
1.1	Kè sạt lở ta luy âm bảo vệ khu dân cư bản Chiềng và trường MN Trung Thành, xã Trung Thành	UBND xã Trung Thành	Bản Chiềng, Tang, Sạy, xã Trung Thành	11.985	11.985			11.985	2.200	HPII-ND6
1.2	Kè chống sạt lở ta ly dương bảo vệ khu dân cư bản Cá (nay là bản Tiến Thắng), xã Trung Thành	UBND xã Trung Thành	Bản Tiến Thắng, xã Trung Thành	9.300	9.300			9.300	1.700	HPII-ND6
20	**Xã Trung Sơn**			**16.854**	**16.854**			**16.854**	**3.000**	
1.1	Trường Mầm non Trung Sơn, xã Trung Sơn. Hạng mục: Xây mới Phòng nghệ thuật và nhà công vụ	UBND xã Trung Sơn	Bản Co Me, xã Trung Sơn	4.000	4.000			4.000	700	HPII-ND1
1.2	Trường Trung học cơ sở Trung Sơn, xã Trung Sơn. Hạng mục: Xây mới nhà đa năng và nhà công vụ	UBND xã Trung Sơn	Bản Pạo, xã Trung Sơn	6.354	6.354			6.354	1.100	HPII-ND1
1.3	Nâng cấp nhà Nhà văn hóa bản Pạo, xã Trung Sơn.	UBND xã Trung Sơn	Bản Pạo, xã Trung Sơn	1.500	1.500			1.500	300	HPII-ND4
1.4	Mở rộng, nâng cấp, sửa chữa sân thể thao cộng đồng xã Trung Sơn	UBND xã Trung Sơn	Xã Trung Sơn	5.000	5.000			5.000	900	HPII-ND4
21	**Xã Phú Lệ**			**20.055**	**20.055**			**20.055**	**3.500**	
1.1	Cải tạo, sửa chữa Trường Tiểu học Phú Thanh (khu lẻ En) và các hạng mục phụ trợ, xã Phú Lệ	UBND xã Phú Lệ	Bản En, xã Phú Lệ	3.500	3.500			3.500	600	HPII-ND1
1.2	Cải tạo, sửa chữa Trường mầm non Phú Thanh (khu lẻ Uôn) và các hạng mục phụ trợ, xã Phú Lệ	UBND xã Phú Lệ	Bản Uôn, xã Phú Lệ	3.500	3.500			3.500	600	HPII-ND1
1.3	Xây mới nhà lớp học 1 tầng 3 phòng, cổng tường rào, sân trường và các hạng mục phu trợ Trường Tiểu học Phú Sơn (khu lẻ Tai Giác), xã Phú Lệ	UBND xã Phú Lệ	Bản Tai Giác, xã Phú Lệ	4.000	4.000			4.000	700	HPII-ND1

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
1.4	Xây mới nhà công vụ và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Phú Lệ (khu lẻ Đuốm Hang), xã Phú Lệ	UBND xã Phú Lệ	Bản Đuốm , xã Phú Lệ	3.500	3.500			3.500	600	HPII-ND1
1.5	Kè chống sạt lở khu dân cư Bàn Phú Sơn, xã Phú Lệ	UBND xã Phú Lệ	Bản Phú Sơn, xã Phú Lệ	5.555	5.555			5.555	1.000	HPII-ND6
22	**Xã Thiên Phủ**			**6.500**	**6.500**			**6.500**	**1.200**	
1.1	Trường THCS Nam Động, xã Thiên Phủ. Hạng mục: Xây dựng nhà Đa năng và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Thiên Phủ	Bản Nam Động, xã Thiên Phủ	6.500	6.500			6.500	1.200	HPII-ND1
23	**Xã Quý Lương**			**6.500**	**6.500**			**6.500**	**1.200**	
1.1	Trường Mầm non Lương Ngoại (khu chính), xã Quý Lương; Hạng mục: Xây dựng nhà lớp học 1 tầng 8 phòng và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Quý Lương	Thôn Lương Ngoại	6.500	6.500			6.500	1.200	HPII-ND1
24	**Xã Thiết Ống**			**18.305**	**18.305**			**18.305**	**3.300**	
1.1	Trường THCS Thiết Ống, xã Thiết Ống. Hạng mục: Xây dựng nhà hiệu bộ và hạng mục phụ trợ	UBND xã Thiết Ống	Xã Thiết Ống	8.500	8.500			8.500	1.500	HPII-ND1
1.2	Trường Tiểu học Thiết Ống, xã Thiết Ống: Xây dựng nhà hiệu bộ và hạng mục phụ trợ	UBND xã Thiết Ống	Xã Thiết Ống	8.300	8.300			8.300	1.500	HPII-ND1
1.3	Xây dựng nhà công vụ giáo viên trường THCS Thiết Kế xã Thiết Ống	UBND xã Thiết Ống	Xã Thiết Ống	1.505	1.505			1.505	300	HPII-ND1
25	**Xã Văn Nho**			**16.591**	**16.591**			**16.591**	**3.100**	
1.1	Trường THCS Văn Nho, xã Văn Nho. Hạng mục: Xây mới nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Văn Nho	Xã Văn Nho	6.075	6.075			6.075	1.100	HPII-ND1
1.2	Trường Tiểu học Kỳ Tân, xã Văn Nho. Hạng mục: Xây mới nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Văn Nho	Xã Văn Nho	4.333	4.333			4.333	800	HPII-ND1
1.3	Trường THCS Kỳ Tân, xã Văn Nho. Hạng mục: Nâng cấp, cải tạo nhà chức năng và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Văn Nho	Xã Văn Nho	2.057	2.057			2.057	400	HPII-ND1
1.4	Trường Mầm non Kỳ Tân, xã Văn Nho. Hạng mục: Xây dựng nhà bếp ăn và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Văn Nho	Xã Văn Nho	2.063	2.063			2.063	400	HPII-ND1
1.5	Trường mầm non Văn Nho, xã Văn Nho. Hạng mục: Xây dựng nhà bếp ăn và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Văn Nho	Xã Văn Nho	2.063	2.063			2.063	400	HPII-ND1

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
26	**Xã Pù Luông**			**6.335**	**6.335**			**6.335**	**1.100**	
1.1	Xây dựng Nhà trưng bày, hệ thống điện chiếu sáng, biểu tượng làng nghề truyền thống Dệt thổ cẩm khu vực Lặn Ngoài, thôn Lũng Niêm	UBND xã Pù Luông	Thôn Lũng Niêm, xã Pù Luông	6.335	6.335			6.335	1.100	HPII-ND4
27	**Xã Cổ Lũng**			**2.865**	**2.865**			**2.865**	**500**	
1.1	Trường THCS Cổ Lũng, xã Cổ Lũng; Hạng mục: Sửa chữa nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Cổ Lũng	Xã Cổ Lũng	2.865	2.865			2.865	500	HPII-ND1
28	**Xã Bá Thước**			**25.000**	**25.000**			**25.000**	**4.400**	
1.1	Trường Tiểu học Ban Công (Khu chính), xã Bá Thước. Hạng mục: Xây mới nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Bá Thước	Thôn Chiềng Lau, xã Bá Thước	10.000	10.000			10.000	1.800	HPII-ND1
1.2	Trường Mầm non Cành Nàng, xã Bá Thước. Hạng mục: Xây mới nhà lớp học và khối phòng hỗ trợ học tập	UBND xã Bá Thước	Thôn Long Vân, xã Bá Thước	5.200	5.200			5.200	900	HPII-ND1
1.3	Trường Mầm non Ban Công (Khu Cả), xã Bá Thước: Xây mới nhà lớp học, bếp ăn và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Bá Thước	Thôn Cả, xã Bá Thước	5.200	5.200			5.200	900	HPII-ND1
1.4	Trường Mầm non Tân Lập, xã Bá Thước. Hạng mục: Xây mới nhà lớp học	UBND xã Bá Thước	Thôn Tân Lập, xã Bá Thước	4.600	4.600			4.600	800	HPII-ND1
29	**Xã Điền Quang**			**12.335**	**12.335**			**12.335**	**2.300**	
1.1	Nâng cấp, sửa chữa Trường tiểu học Điền Hạ, xã Điền Quang	UBND xã Điền Quang	Xã Điền Quang	7.000	7.000			7.000	1.300	HPII-ND1
1.2	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Bùi Xuân Chúc, xã Điền Quang	UBND xã Điền Quang	Xã Điền Quang	5.335	5.335			5.335	1.000	HPII-ND1
30	**Xã Giao An**			**20.000**	**20.000**			**20.000**	**3.600**	
1.1	Trường Tiểu học Giao Thiện (khu Khụ), xã Giao An. Hạng mục: Xây mới nhà lớp học và hạng mục phụ trợ	UBND xã Giao An	Thôn Khụ 2, xã Giao An	5.500	5.500			5.500	1.000	HPII-ND1
1.2	Trường TH và THCS Giao An, xã Giao An. Hạng mục: Xây mới nhà hiệu bộ, phòng học chức năng	UBND xã Giao An	Xã Giao An	5.500	5.500			5.500	1.000	HPII-ND1
1.3	Xây mới nhà đa năng, các hạng mục phụ trợ và kè chống sạt lở trường Trung học cơ sở Giao Thiện	UBND xã Giao An	Thôn Poọng, xã Giao An	9.000	9.000			9.000	1.600	HPII-ND1
31	**Xã Đồng Lương**			**7.000**	**7.000**			**7.000**	**1.200**	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
1.1	Trường Mầm non Đồng Lương (Khu Thung), xã Đồng Lương. Hạng mục: Xây mới nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Đồng Lương	Thôn Thung, xã Đồng Lương	3.500	3.500			3.500	600	HPII-ND1
1.2	Trường Tiểu học Đồng Lương (khu Thung), xã Đồng Lương. Hạng mục: Xây mới nhà lớp học, phòng nghỉ giáo viên và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Đồng Lương	Thôn Thung, xã Đồng Lương	3.500	3.500			3.500	600	HPII-ND1
32	**Xã Văn Phú**			**5.000**	**5.000**			**5.000**	**900**	
1.1	Kè suối bản Tam Văn bảo vệ trường THCS Tam Văn	UBND xã Văn Phú	Xã Văn Phú	5.000	5.000			5.000	900	HPII-ND6
33	**Xã Yên Thắng**			**11.000**	**11.000**			**11.000**	**2.000**	
1.1	Trường THCS Yên Thắng, xã Yên Thắng. Hạng mục: Xây mới nhà hiệu bộ và hạng mục phụ trợ	UBND xã Yên Thắng	Xã Yên Thắng	6.000	6.000			6.000	1.000	HPII-ND1
1.2	Trường TH Yên Thắng (khu Vần), xã Yên Thắng: Hạng mục: Xây mới nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Yên Thắng	Xã Yên Thắng	5.000	5.000			5.000	1.000	HPII-ND1
34	**Xã Yên Khương**			**14.564**	**14.564**			**14.564**	**2.700**	
1.1	Trường mầm non bản Mè Giàng, xã Yên Khương. Hạng mục: Xây mới nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Yên Khương	Bản Mè Giàng, xã Yên Khương	6.000	6.000			6.000	1.100	HPII-ND1
1.2	Nâng cấp sửa chữa Trường Mầm non bản Xắng Hằng, xã Yên Khương	UBND xã Yên Khương	Bản Xắng Hằng, xã Yên Khương	5.500	5.500			5.500	1.000	HPII-ND1
1.3	Kè bảo vệ khu dân cư bản Tứ Chiềng (Chiềng Nưa cũ), xã Yên Khương	UBND xã Yên Khương	Bản Tứ Chiềng, xã Yên Khương	3.064	3.064			3.064	600	HPII-ND6
35	**Xã Kim Tân**			**12.414**	**8.102**	**4.312**		**8.102**	**1.500**	
1.1	Nâng cấp, cải tạo trường mần non Thành Hưng, xã Kim Tân	UBND xã Kin Tân	Xã Kim Tân	12.414	8.102	4.312		8.102	1.500	HPII-ND1
36	**Xã Thành Vinh**			**19.494**	**19.494**			**19.494**	**3.500**	
1.1	Sửa chữa, cải tạo Trường Mầm non Thành Yên, xã Thành Vinh	UBND xã Thành Vinh	Xã Thành Vinh	10.450	10.450			10.450	1.900	HPII-ND1
1.2	Sửa chữa, cải tạo Trường Tiểu học Thành Mỹ, xã Thành Vinh	UBND xã Thành Vinh	Xã Thành Vinh	9.044	9.044			9.044	1.600	HPII-ND1
37	**Xã Thạch Quảng**			**11.354**	**11.354**			**11.354**	**2.100**	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
1.1	Kè chống sạt lở trường Tiểu học Thạch Lâm 2 và Trường Mầm non khu lẻ Thạch Lâm, xã Thạch Quảng	UBND xã Thạch Quảng	Xã Thạch Quảng	4.354	4.354			4.354	800	HPII-ND6
1.2	Kè chống sạt lở trường THCS Thạch Lâm, xã Thạch Quảng	UBND xã Thạch Quảng	Xã Thạch Quảng	7.000	7.000			7.000	1.300	HPII-ND6
38	**Xã Cẩm Tú**			**13.700**	**13.000**	**700**		**13.000**	**2.400**	
1.1	Trường Tiểu học Cẩm Quý, xã Cẩm Tú. Hạng mục: Xây dựng nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Cẩm Tú	Thôn Quý Thanh, xã Cẩm Tú	6.850	6.500	350		6.500	1.200	HPII-ND1
1.2	Trường Tiểu học Cẩm Giang, xã Cẩm Tú. Hạng mục: Xây dựng nhà lớp học và các công trình phụ trợ	UBND xã Cẩm Tú	Thôn Giang Hồng 1, xã Cẩm Tú	6.850	6.500	350		6.500	1.200	HPII-ND1
39	**Xã Cẩm Thủy**			**4.000**	**3.500**	**500**		**3.500**	**600**	
1.1	Trường THCS Cẩm Sơn, xã Cẩm Thủy; Hạng mục: Xây mới các phòng quản lý hành chính, phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Cẩm Thủy	Xã Cẩm Thủy	4.000	3.500	500		3.500	600	HPII-ND1
40	**Xã Cẩm Tân**			**12.803**	**12.803**			**12.803**	**2.300**	
1.1	Trường tiểu học Cẩm Tân; Hạng mục: Xây mới nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Cẩm Tân	Xã Cẩm Tân	9.500	9.500			9.500	1.700	HPII-ND1
1.2	Trường THCS Cẩm Tân; Hạng mục: Sửa chữa nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Cẩm Tân	Xã Cẩm Tân	3.303	3.303			3.303	600	HPII-ND1
41	**Xã Cẩm Thạch**			**13.373**	**13.373**			**13.373**	**2.400**	
1.1	Trường TH&THCS Cẩm Liên, xã Cẩm Thạch. Hạng mục: Xây mới nhà lớp học và cả tạo khuôn viên	UBND xã Cẩm Thạch	Xã Cẩm Thạch	13.373	13.373			13.373	2.400	HPII-ND1
42	**Xã Cẩm Vân**			**13.500**	**13.203**	**297**		**13.203**	**2.400**	
1.1	Trường TH&THCS Cẩm Yên, xã Cẩm Vân. Hạng mục: Xây dựng nhà lớp học và các phòng chức năng; sân thể dục, thể thao và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Cẩm Vân	Xã Cẩm Vân	13.500	13.203	297		13.203	2.400	HPII-ND1
43	**Xã Ngọc Lặc**			**4.801**	**4.603**	**198**		**4.603**	**800**	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
1.1	Cải tạo, sửa chữa các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Mỹ Tân, xã Ngọc Lặc	UBND xã Ngọc Lặc	Xã Ngọc Lặc	2.401	2.303	98		2.303	400	HPII-ND1
1.2	Đầu tư xây dựng khu thể thao thôn Tân Thành, xã Ngọc Lặc	UBND xã Ngọc Lặc	Thôn Tân Thành, xã Ngọc Lặc	2.400	2.300	100		2.300	400	HPII-ND4
44	**Xã Minh Sơn**			**9.504**	**9.504**			**9.504**	**1.700**	
1.1	Trường Mầm non Cao Ngọc, xã Minh Sơn. Xây mới nhà lớp học và sửa chữa các hạng mục phụ trợ	UBND xã Minh Sơn	Thôn Vìn Cọn, xã Minh Sơn	6.000	6.000			6.000	1.100	HPII-ND1
1.2	Trường Tiểu học Minh Sơn 1, xã Minh Sơn. Hạng mục: Sửa chữa nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Minh Sơn	Thôn Minh Châu 1, xã Minh Sơn	3.504	3.504			3.504	600	HPII-ND1
45	**Xã Nguyệt Ấn**			**24.164**	**24.164**			**24.164**	**4.400**	
1.1	Xây mới nhà lớp học Trường Tiểu học Nguyệt Ấn 1, xã Nguyệt Ấn	UBND xã Nguyệt Ấn	Xã Nguyệt Ấn	8.800	8.800			8.800	1.600	HPII-ND1
1.2	Xây mới nhà lớp học Trường Tiểu học Vân Am, xã Nguyệt Ấn	UBND xã Nguyệt Ấn	Xã Nguyệt Ấn	8.800	8.800			8.800	1.600	HPII-ND1
1.3	Xây mới nhà lớp học Trường Mầm non Vân Am, xã Nguyệt Ấn	UBND xã Nguyệt Ấn	Xã Nguyệt Ấn	6.564	6.564			6.564	1.200	HPII-ND1
46	**Xã Kiên Thọ**			**4.803**	**4.803**			**4.803**	**900**	
1.1	Trường Mầm non Kiên Thọ, xã Kiên Thọ (khu chính). Hạng mục: Xây mới bếp ăn và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Kiên Thọ	Xã Kiên Thọ	2.500	2.500			2.500	500	HPII-ND1
1.2	Trường Mầm non Kiên Thọ, xã Kiên Thọ (Khu lẻ Thọ Phú). Hạng mục: Sửa chữa nhà lớp học 02 tầng, xây mới bếp ăn và hạng mục phụ trợ	UBND xã Kiên Thọ	Xã Kiên Thọ	2.303	2.303			2.303	400	HPII-ND1
47	**Xã Thạch Lập**			**5.443**	**5.443**			**5.443**	**1.000**	
1.1	Trường Tiểu học Thạch lập 1, xã Thạch Lập. Hạng mục: Xây mới nhà lớp học	UBND xã Thạch Lập	Xã Thạch Lập	5.443	5.443			5.443	1.000	HPII-ND1
48	**Xã Thường Xuân**			**9.500**	**9.500**			**9.500**	**1.700**	
1.1	Trường THCS Ngọc Phụng, xã Thường Xuân. Hạng mục: Xây dựng nhà lớp học và thư viện	UBND xã Thường Xuân	Xã Thường Xuân	9.500	9.500			9.500	1.700	HPII-ND1
49	**Xã Tân Thành**			**8.264**	**8.264**			**8.264**	**1.500**	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
1.1	Nâng cấp cải tạo Nhà Văn hóa thôn và các hạng mục phụ trợ thôn Thành Lợi, xã Tân Thành	UBND xã Tân Thành	Thôn Thành Lợi, xã Tân Thành	2.800	2.800			2.800	500	HPII-ND4
1.2	Nâng cấp cải tạo Nhà Văn hóa thôn Kha và các hạng mục phụ trợ thôn Kha, xã Tân Thành	UBND xã Tân Thành	Thôn Kha, xã Tân Thành	2.764	2.764			2.764	500	HPII-ND4
1.3	Nâng cấp cải tạo Nhà Văn hóa thôn và các hạng mục phụ trợ thôn Thành Nàng, xã Tân Thành	UBND xã Tân Thành	Thôn Thành Nàng, xã Tân Thành	2.700	2.700			2.700	500	HPII-ND4
50	**Xã Thắng Lộc**			**6.944**	**6.944**			**6.944**	**1.200**	
1.1	Trường mầm non Thắng Lộc, xã Thắng Lộc. Hạng mục: Xây dựng mới nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Thắng Lộc	Xã Thắng Lộc	6.944	6.944			6.944	1.200	HPII-ND1
51	**Xã Xuân Du**			**13.373**	**13.373**			**13.373**	**2.400**	
1.1	Trường THCS Cán Khê, xã Xuân Du. Hạng mục: Xây dựng mới nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Xuân Du	Xã Xuân Du	13.373	13.373			13.373	2.400	HPII-ND1
52	**Xã Yên Thọ**			**13.764**	**13.075**	**689**		**13.075**	**2.300**	
1.1	Trường THCS Xuân Phúc, xã Yên Thọ. Hạng mục: Xây mới nhà lớp học	UBND xã Yên Thọ	Thôn Xuân Phúc, xã Yên Thọ	6.500	6.175	325		6.175	1.100	HPII-ND1
1.2	Trường THCS Yên Lạc, xã Yên Thọ. Hạng mục: Xây mới nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Yên Thọ	Thôn Yên Lạc, xã Yên Thọ	7.264	6.900	364		6.900	1.200	HPII-ND1
53	**Xã Như Xuân**			**6.000**	**3.854**	**2.146**		**3.854**	**700**	
1.1	Trường TH&THCS Tân Bình, xã Như Xuân. Hạng mục: Xây mới nhà lớp học	UBND xã Như Xuân	Xã Như Xuân	6.000	3.854	2.146		3.854	700	HPII-ND1
54	**Xã Thượng Ninh**			**20.194**	**20.194**			**20.194**	**3.600**	
1.1	Trường Mầm Non Cát Vân, xã Thượng Ninh. Hạng mục: xây mới nhà hiệu bộ, phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Thượng Ninh	Xã Thượng Ninh	5.000	5.000			5.000	900	HPII-ND1
1.2	Trường Tiểu học Thượng Ninh, xã Thượng Ninh. Hạng mục: Xây mới và nâng cấp nhà lớp học	UBND xã Thượng Ninh	Xã Thượng Ninh	10.000	10.000			10.000	1.800	HPII-ND1
1.3	Trường Tiểu học Thượng Ninh (khu Khe Khoai), xã Thượng Ninh. Hạng mục: Xây mới nhà lớp học và bếp ăn	UBND xã Thượng Ninh	Xã Thượng Ninh	5.194	5.194			5.194	900	HPII-ND1
55	**Xã Xuân Bình**			**30.000**	**30.000**			**30.000**	**5.400**	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
1.1	Trường THCS Xuân Bình, xã Xuân Bình	UBND xã Xuân Bình	Thôn Mơ, xã Xuân Bình	30.000	30.000			30.000	5.400	HPII-ND1
56	**Xã Thanh Quân**			**27.405**	**27.405**			**27.405**	**4.900**	
1.1	Trường Mần Non Thanh Sơn xã Thanh Quân. Hạng mục: Xây mới, nâng cấp nhà lớp học; xây mới nhà hiệu bộ và nhà Bếp ăn	UBND xã Thanh Quân	Xã Thanh Quân	13.000	13.000			13.000	2.300	HPII-ND1
1.2	Trường Tiểu học Thanh Quân xã Thanh Quân. Hạng mục: Xây dựng Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Thanh Quân	Xã Thanh Quân	6.800	6.800			6.800	1.200	HPII-ND1
1.3	Trường THCS Thanh Xuân, xã Thanh Quân: Xây mới nhà lớp học và phòng chức năng	UBND xã Thanh Quân	Xã Thanh Quân	7.605	7.605			7.605	1.400	HPII-ND1
57	**Xã Thanh Phong**			**25.624**	**25.624**			**25.624**	**4.700**	
1.1	Trường THCS Thanh Lâm xã Thanh Phong; Hạng mục: Xây mới nhà lớp học 02 tầng 12 phòng và hệ thống PCCC	UBND xã Thanh Phong	Xã Thanh Phong	11.424	11.424			11.424	2.100	HPII-ND1
1.2	Trường TH&THCS Thanh Hòa xã Thanh Phong; Hạng mục: Xây mới nhà lớp học 02 tầng 10 phòng, nhà công vụ 01 tầng 05 phòng, nhà WC chung và hệ thống PCCC	UBND xã Thanh Phong	Xã Thanh Phong	14.200	14.200			14.200	2.600	HPII-ND1
58	**Xã Hóa Quỳ**			**16.204**	**16.204**			**16.204**	**3.000**	
1.1	Trường Mầm non Xuân Qùy, xã Hoá Quỳ. Hạng mục: Xây mới nhà lớp học, khu bếp ăn; sửa chữa nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Hoá Quỳ	Xã Hóa Quỳ	8.254	8.254			8.254	1.500	HPII-ND1
1.2	Trường cấp TH&THCS xã Bình Lương xã Hoá Quỳ, Hạng mục: Kè chống sạt lỡ; hệ thống PCCCH và hạng mục phụ trợ	UBND xã Hoá Quỳ	Xã Hóa Quỳ	2.650	2.650			2.650	500	HPII-ND6
1.3	Trường tiểu học xã Hoá Quỳ, Hạng mục: Xây dựng mới nhà hiệu bộ	UBND xã Hoá Quỳ	Xã Hóa Quỳ	5.300	5.300			5.300	1.000	HPII-ND1
59	**Xã Luận Thành**			**11.800**	**11.800**			**11.800**	**2.200**	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2026	Ghi chú
				Tổng	Trong đó					
					Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác			
1.1	Trường Tiểu học Xuân cao, xã Luận Thành (điểm trường Xuân Minh). Hạng mục: Cải tạo nhà lớp học 2 tầng 06 phòng, xây mới nhà hiệu bộ 1 tầng và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Luận Thành	Thôn Xuân Minh, xã Luận Thành	7.000	7.000			7.000	1.300	HPII-ND1
1.2	Nhà văn hóa thôn Xuân Cao, xã Luận Thành. Hạng mục: Nâng cấp nhà văn hóa, sân thể thao, đường vào nhà văn hóa, cổng, tường rào và các hạng mục phụ trợ.	UBND xã Luận Thành	Thôn Xuân Cao, xã Luận Thành	4.800	4.800			4.800	900	HPII-ND4
60	**Xã Thọ Bình**			**21.455**	**21.455**			**21.455**	**3.950**	
1.1	Nâng cấp, cải tạo Trường Tiểu học và THCS Bình Sơn, xã Thọ Bình	UBND xã Thọ Bình	Xã Thọ Binh	2.755	2.755			2.755	500	HPII-ND1
1.2	Trường tiểu học Thọ Bình (Khu A), xã Thọ Bình. Hạng mục: Xây mới nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Thọ Bình	Xã Thọ Bình	8.100	8.100			8.100	1.500	HPII-ND1
1.3	Cải tạo, sửa chữa Trường THCS Thọ Bình, xã Thọ Bình	UBND xã Thọ Bình	Xã Thọ Bình	4.300	4.300			4.300	800	HPII-ND1
1.4	Cải tạo, sửa chữa Trường mầm non Thọ Bình, xã Thọ Bình	UBND xã Thọ Bình	Xã Thọ Bình	2.500	2.500			2.500	500	HPII-ND1
1.5	Cải tạo, sửa chữa Trường tiểu học Thọ Bình (Khu B), xã Thọ Bình	UBND xã Thọ Bình	Xã Thọ Bình	1.450	1.450			1.450	250	HPII-ND1
1.6	Cải tạo, sửa chữa Trường Mầm non Thọ Sơn, xã Thọ Bình	UBND xã Thọ Bình	Xã Thọ Bình	2.350	2.350			2.350	400	HPII-ND1